

ENDO SHUSAKU

Bóng đổ
lên đời

Nguyễn Nam Trân dịch

BÓNG ĐỔ LÊN ĐỜI

ENDO SHUSAKU

Nguyễn Nam Trân dịch

bóng đổ lên đời

Endo Shusaku

Người dịch: Nguyễn Nam Trân

*Bìa: **M. C. P***

*Nguồn: **Chim Việt cành Nam***

bóng đổ lên đời

(1968)

ENDO SHUSAKU

Người dịch: Nguyễn Nam Trân

Tạp chí *CHIM VIỆT CÀNH NAM*

số 89 * 21-03-2023

hực tình tôi không biết là mình sẽ gửi bức thư này hay không. Cho đến hôm nay, tôi đã ba lần viết thư cho ông. Thế nhưng nửa chừng tôi đã ngừng tay hay viết xong rồi lại đút vào ngăn kéo bàn viết. Rốt cuộc là tôi cứ để chúng ở đó và không hề bỏ thùng bưu điện.

Thế nhưng cứ mỗi lần đặt bút xuống, tôi không hề nghĩ rằng đây là một bức thư tôi viết để gửi cho ông. Tôi còn không biết là những lá thư này có phải được viết ra để gửi cho chính mình hay không nữa? Có lần tôi nghĩ phải chăng

tôi viết nó để tự trấn an và để bản thân tôi chấp nhận con người của mình. Nếu như cuối cùng tôi đã không gửi nó chỉ vì tôi cảm thấy cái mình vừa viết ra không có ý nghĩa gì cả và không thể nào khóa lấp được sự trống vắng của nơi sâu thẳm nhất trong tâm hồn. Tuy nhiên, lần này thì khác. Bây giờ chưa có thể nói là hoàn toàn, nhưng trong lòng tôi, cuối cùng đã từ từ nảy sinh tình cảm chấp nhận cái “sự cố” mà ông đã gây ra cho cuộc đời tôi.

Tuy nhiên, tôi không biết mình phải bắt đầu bằng chuyện gì? Tôi có nên kể lại kỷ niệm hồi tôi còn nhỏ, lần đầu được gặp ông lúc ông mới đến Nhật? Hay là phải bắt đầu kể từ cái lần ông chạy bay đến và đẩy cửa gian phòng tiền đường để lắc đầu rồi nói với tôi rằng:

– Không xong rồi! vào hôm mẹ tôi qua đời?

Thực ra, hôm qua, tôi vừa mới gặp ông. Dĩ nhiên ông không nhận ra sự có mặt của tôi và cũng không biết rằng mình đang bị người khác nhìn. Ông ngồi vào bàn và cho đến khi đĩa cơm được mang tới, đã rút một quyển sách từ cái cặp nom cũ kỹ (trong đầu tôi, vẫn còn giữ hình ảnh về cái cặp đó) và bắt đầu đọc. Dáng dấp ấy khiến tôi hồi tưởng lại hồi xưa, khi còn là linh mục, ông vẫn có thói quen là trước giờ cơm, phải mở sẵn trước mặt mình quyển sách chép các bài kinh đọc trong thánh lễ. Nơi ấy là một quán ăn nhỏ trong khu Shibuya và hôm đó sương mù đổ xuống thành một thứ mưa mịn. Bên kia cánh cửa sổ mờ hơi nước, tôi thấy mấy người khách bộ hành đang đi trên đường giống như những

con cá đang bơi trong cái bồn kính của ngôi nhà trưng bày thủy tộc. Tôi đứng đó, mở rộng tờ báo thể thao ra xem, một tay nâng thìa, đút những miếng cơm cà-ri (curry rice) vào miệng. Sở dĩ tôi làm như thế là vì cái tin một tuyến thủ dã cầu của đội Taiyô (Whales) mà tôi là kẻ hâm mộ bị đem đi bán cho hội khác (trade) vừa được in và choáng cả một phần lớn trang nhất. Bên dưới đó, họ lại đăng một tiểu thuyết nhiều kỳ mà tác giả là một người bạn thân của tôi.

Khi tôi bất chợt ngẩng đầu lên thì trong góc quán, có một người đàn ông ngoại quốc y phục màu đen đang sửa soạn ngồi xuống, lưng đầu về hướng tôi. Tôi ngạc nhiên quá sức bởi vì người tôi vừa thấy chính là ông mà sáu năm nay tôi chưa gặp lại. Lúc đó, chỗ của ông với chỗ tôi cách nhau khoảng 20 mét và giữa

chúng ta có xen khoảng 4, 5 anh tư chức hăng buôn đang cùng nhau ngồi quanh một cái bàn và ăn một món gì như là hăm-bác-gơ (hamburger steak).

– Tay số đằng trước (front gear) khó sang tốc độ. Biết làm cách nào bây giờ?

– Không, chắc không phải thế đâu!

Tôi không hiểu họ nói chuyện gì, chỉ nghe những câu đối thoại như thế vọng tới tai mình. Một người trong đám có cái đầu hói thật cao với một cái bốt màu đỏ sậm cỡ đồng 10 xu trên trán.

Ông đã mỉm cười hết sức thân thiện với cô hầu bàn trẻ vừa đem cốc nước đến, rồi đưa ngón tay chỉ chỗ vài chỗ trên thực đơn. Sau khi cô hầu bàn gạt đầu và rời nơi đó, ông đã lấy từ cái cặp đen cũ kỹ đang đặt trên đầu gối ra một

quyển sách bằng tiếng Anh và bắt đầu đọc. Thực ra tôi cũng không biết đó là sách tiếng Anh hay không nữa nhưng dù sao, đó là một thứ văn tự nằm theo hàng ngang. Tôi nghĩ thầm: “Ông ấy già rồi nhỉ?” Khi đánh giá “Ông ấy sao mà già thế!” hay phát biểu một câu như vậy, có lẽ tôi đã tỏ ra thất lễ đối với một vị giáo sĩ như ông, nhưng thực ra, hồi còn trẻ, ông hết sức đẹp trai.

Khi tôi gặp ông lần đầu tiên ở cái bệnh viện Kobe ấy thì tuy hãy là một cậu bé con, tôi đã lưu lại trong ký ức mình hình ảnh khuôn mặt ông với như nét rạch ròi như điêu khắc, đôi mắt trong và tím như hai quả nho để mà tấm tắc: “Sao lại có người bảnh trai đến thế!”

Khuôn mặt ấy ngày nay đã bị tuổi già tàn phá, mái tóc màu hạt dẻ cũng trở thành thưa thớt (về điểm này, kể chỉ lựa

thừa ba sợi tóc như tôi chắc cũng chẳng hơn gì). Còn phía dưới mắt ông lại mọng lên như hai cái bọc màu đỏ, không khéo đã được ai chích chất nhựa xen-lô-ít (celloid, silicone) vào đó.

Bên trong khuôn mặt của ông, kể từ khi “sự cố” ấy xảy ra, tôi đã thử đánh hơi cái mùi của sự cô độc. Và tôi cũng đã nhân đây để tìm hiểu những cay đắng và lao khổ mà ông phải trải qua khi sống trên xứ người lại đeo bông vợ con và bươn chải để nuôi cả gia đình trong lúc bạn bè thì không có ai và đã mất cả những người có thể cứu giúp mình.

Tôi những muốn đứng dậy, tiến về phía ông để cất một tiếng “Chào! Lâu ngày quá ngài nhỉ?” nhưng không làm được và cứ ngồi nguyên trên ghế. Giống như một nhân viên làm việc cho một văn phòng thám tử tư, tôi vẫn giấu mặt

đằng sau tờ báo và quan sát động thái của ông. Đúng là tôi đang nổi máu hiếu kỳ. Hứng thú nghề nghiệp của người viết tiểu thuyết cũng đóng thêm một vai trò trong đó nữa. Tuy nhiên, không chỉ có chừng ấy. Thì ra lúc này, trong lòng tôi đang có một cái lực giữ chân tôi lại. Nó ghì không cho tôi tiến về phía ông. Lực đang giam chân tôi kia giống như cái gì thì từ đây, tôi sẽ viết cho ông xem ngay trong bức thư này.

Dù sao thì tôi vẫn ngồi nguyên một chỗ, dòm chừng ông trong im lặng. Rốt cuộc, cô hầu bàn đã mang một đĩa thức ăn đến cho ông và cũng như khi nãy, ông đã mỉm cười gật đầu, thế rồi, ông đã lấy một chiếc mùi-soa đeo quanh cổ thay cho khăn giấy. Đằng này, tôi vẫn tiếp tục quan sát. Sau đó ông đã kéo ghế ra ngồi cho thẳng thớm rồi đưa ngón tay lên

ngực và kín đáo làm dấu thánh giá thật nhanh để không ai chú ý. Lúc đó, lòng tôi bỗng có một sự xúc động khó lòng diễn tả. Phải rồi, tôi đã có lần cảm động như vậy. Có phải là cái tình cảm đó hay chăng?

Tôi không thể nào giải thích sức mạnh nào đã ngăn tôi tiến về phía ông. Nói cách khác, sức mạnh đó là một trong những dòng chảy hết sức quan trọng đã hình thành nhân cách của tôi. Cho đến nay, với tư cách là một tiểu thuyết gia, tôi đã từng vục tay vào dòng sông đó tìm chất liệu để viết ra biết bao nhiêu là tác phẩm tiểu thuyết. Tôi đã lượm lặt những gì giống như chất cặn chìm dưới lòng sông, rửa những thứ bụi bặm bám vào, vớt nó lên và tổ chức lại. Trong số đó vẫn còn có những thứ quan trọng mà tôi chưa đem lên được. Ví dụ người cha

của tôi mà ông chưa hề gặp, cuộc đời của ông, người mẹ của tôi mà ông đã bao lần giúp đỡ giải quyết vấn đề... đó là những chuyện tôi chưa hề viết thành tiểu thuyết. Và tôi cũng chưa khởi công viết về chính con người ông. Không! Tôi vừa nói dối đấy!

Về chuyện của ông thì từ khi trở thành nhà văn, tôi đã ba lần viết nhưng sau khi đã thay hình đổi dạng nhân vật để không cho ai đoán được là ông. Riêng ông thì, từ khi có “sự cố” kia xảy ra, đối với tôi, trong một khoảng thời gian dài, ông đã trở thành – đúng như người ta nói – nhân vật trung tâm trong các tác phẩm của tôi. Gọi là dùng ông như nhân vật trung tâm để viết tiểu thuyết nhưng những quyển tôi viết ra không có quyển nào được xem như thành công. Nhưng tôi biết lý do của sự thất bại ấy! Đó là vì

tôi chưa nắm vững con người của ông. Tuy nhiên, dù thất bại hết lần này đến lần khác, hình ảnh của ông vẫn bám chặt trong lòng tôi không lúc nào ngơi. Nếu đuổi được nó, tôi sẽ khỏe thân biết mấy! Thế nhưng, làm sao tôi đuổi ông lẫn mẹ tôi ra khỏi thế giới của mình cho được!

Đôi khi có dịp nhìn lại cái dòng sông đời ấy, lúc nào trong trí tôi cũng hiện ra hình ảnh ngôi giáo đường nhỏ bé vùng Hanshin (là chữ viết tắt của địa danh Ôsaka (Han) và Kobe (Shin)) nơi tôi đã được làm lễ rửa tội. Bây giờ cái nhà thờ Công Giáo nhỏ nhắn đó vẫn còn nằm nguyên nơi đấy. Cái tháp nhọn nhái phong cách Gô-tích (Gothic), cây thập giá mạ vàng và mảnh sân có trồng cây trúc đào nữa. Và như ông cũng biết, khoảng thời gian đó, mẹ của tôi - vì cái tính quyết liệt của bà - đã chia tay ông

bố tôi và dắt hai anh em tôi rời bỏ thành phố Đại Liên bên Mãn Châu để về nước, được người chị của bà cứu mang và sống ở vùng Hanshin. Bà bác (dì) tôi là một người hết sức mộ đạo, mẹ tôi lại sống cô độc, nên cuối cùng đã nghe theo lời khuyên của chị mình, bắt đầu tìm nguồn an ủi trong lễ đạo.

Thế rồi, dĩ nhiên là tôi đã được bác và mẹ mình đem theo mỗi khi họ đi xem lễ ở ngôi nhà thờ đó. Nơi ấy có một cha xứ người Pháp lo việc dìu dắt con chiên. Khi chiến tranh trở nên ác liệt, vị cha xứ xuất thân từ vùng núi non Pyrénées đã bị hai người hiến binh ập vào nhà giải đi. Hình như ông ta bị nghi ngờ là làm gián điệp. Tuy nhiên, chuyện nói trên dù xảy ra thật nhưng chỉ mãi về sau.

Lúc đó, chiến sự bên Trung Quốc đã bắt đầu nhưng ở Nhật, giáo hội Công

Giáo vẫn chưa lâm vào cảnh khổ. Đêm Giáng Sinh, giữa trời khuya, những hồi chuông Ha-Lê-Lu-Gia vẫn còn được đánh lên và ngân xa, lễ Phục Sinh vẫn có hoa trang trí các cánh cửa. Các chú bé tinh nghịch trong xóm như bọn chúng tôi vẫn có dịp say sữa ngấm nghĩa mấy thiếu nữ đội khăn voan trắng toát trông chẳng khác những cô gái nước ngoài. Vào dịp lễ Phục Sinh như thế, vị cha xứ người Pháp thường bắt đám trẻ con sắp thành hàng mười đứa và đặt câu hỏi cho mỗi đứa: “Con có tin Đức Chúa Ki-Tô hay không?” Từng đứa một sẽ trả lời: “Con tin!” và bọn chúng lập đi lập lại như những con kít. Tôi cũng là một trong đám con nít đó và đã bắt chước chúng mà trả lời bằng cách gân cổ lên, hô thật to: “Vâng. Con tin!”

Vào dịp nghỉ hè, có một anh chàng sinh đang học giáo lý thường đến cho bọn trẻ con xem những vở kịch soạn bằng tranh giấy (kamishibai) và cũng hay hướng dẫn chúng tôi leo núi (hiking) trên ngọn Rokkozan (Lục Giáp Sơn) gần bên. Sau khi anh ta về quê thì chúng tôi lại tổ chức chơi ném bắt bóng dã cầu (catchball) trong sân nhà thờ. Mỗi lần có quả bóng nào lạc hướng mà va vào cửa kính là cha xứ người Pháp lại thò cái mặt đỏ phừng phừng ra ngoài và trút sự tức bực lên lũ nhóc. Thêm vào đó, bà mẹ - người đã ly hôn với ông bố tôi - hầu như mỗi ngày đều bàn bạc với bà chị, tuy không biết về đề tài gì nhưng gương mặt của bà lúc nào cũng u ám. Dù vậy, so với thời ở Đại Liên, tôi không còn khốn khổ vì phải chứng kiến cha mẹ mình cãi cọ liên miên. Có thể nói trong là thời gian này, ít nhất cuộc sống của mẹ con tôi đã

ngăn nắp đi một phần nào.

Ở giáo phận đó, đôi khi lại có một ông già ngoại quốc tìm đến. Đang chơi dã cầu mà tôi cũng đã thấy ông ta và nhận ra rằng ông lúc nào cũng chọn lúc tín đồ thừa thớt để lén lút chui vào chỗ ở của cha xứ. Mỗi lần tôi hỏi mẹ và bà bác: “Ai đó vậy?”, không hiểu tại sao cả hai đều đưa mắt lảng ra chỗ khác và giữ im lặng. Thế nhưng chính những người tôi quen biết đã cho tin tức về người đàn ông tàn tật, mỗi khi bước, cứ phải lết chân này.

– Thằng chả là kẻ đã bị tổng cổ đi đấy!

– Tiếng là cha xứ mà ông ta lại đi cưới một bà người Nhật nên bị đuổi ra khỏi giáo hội. Tín đồ ai cũng giữ mồm giữ miệng, như thế lo sợ nếu nói ra cái tên ấy, đức tin của họ sẽ bị vấy bẩn.

Người duy nhất kín đáo gặp ông ta chỉ có vị cha xứ người Pháp xuất thân từ vùng núi non Pyrénées. Riêng về phần tôi thì tuy có sợ hãi sự có mặt của ông già đó, nhưng trong nỗi sợ lại có pha một chút hiếu kỳ và một ít khoái cảm nên đã lặng lẽ dòm dò hành vi của ông. Hồi nhỏ, khi ở Đại Liên, trong cái thị trấn ở xứ thuộc địa này, tôi đã nhiều lần gặp những ông già Bạch Nga bị đuổi ra khỏi tổ quốc. Thế nhưng trong đám họ, có mỗi ông lão chuyên môn đem bánh mì Nga (Rusian pan) đến bán trong khu dân cư người Nhật là có khuôn mặt tựa tựa ông già này. Cả hai người đều giống nhau ở chỗ họ mặc một chiếc áo khoác nom cũ kỹ, đáng lẽ ra phải nói là rách tươm thì mới hợp tình hợp cảnh. Cả hai ông đều quần một cái khăn quàng đan lối thủ công và kéo lê đôi chân bị bệnh thấp khớp, đôi khi lại làm một cử chỉ y hệt nhau là móc

ra một chiếc khăn tay lớn và nhộp nhúa để đưa lên mũi hỉ và khịt một tiếng rõ to. Bây giờ nhớ lại tôi mới thấy là cái bóng đen cô độc mà họ mang theo người nào có khác gì mớ hành lý của những kẻ bị xua đuổi ra khỏi cái đoàn thể vốn từng chi viện họ hết mình.

Đó là một buổi chiều trong thời gian nghỉ hè và tôi đang bước trên đường. Có lẽ là tôi đang định đi chơi dã cầu hay cái gì đó. Trước cánh cửa giáo đường đang lóa lên trong ánh nắng chiều, đột nhiên, tôi suýt đâm vào người ông lão ấy. Tôi không hề dự tưởng là ông ta từ nơi đó tiến về phía mình nên đã ngạc nhiên và đứng ngậy ra, người cứng như đá. Thấy thế, ông lão bèn nói với tôi hai ba tiếng gì đó nhưng tôi không hiểu nội dung. Tôi chỉ cảm thấy khó chịu và sợ hãi. Tôi bèn lắc đầu và định chạy nhanh về phía mấy

bậc thang đá dẫn lên thánh đường. Vừa lúc ấy, bỗng có một bàn tay to lớn nắm lấy bả vai tôi rồi ông lão ấy nói với tôi dăm ba câu tiếng Nhật khập khiễng mà tôi đoán là:

– Đừng lo lắng! hay - Không có việc gì mà em phải sợ!

Hơi thở của ông rất thối. Tôi bèn vắt giò lên cổ bỏ chạy. Duy lúc đó, cái tôi còn nhớ là đôi mắt buồn bã của người trước mặt đang chăm chú nhìn mình vẫn ánh lên một màu tím quả nho. Về đến nhà rồi, tôi mới đem chuyện vừa xảy ra học lại cho mẹ nghe nhưng thấy bà cứ im lặng. Chỉ hai, ba hôm sau thì đương nhiên là tôi cũng quên bằng chuyện đó.

Có một chuyện lạ là chừng một tháng sau khi xảy ra biến cố ấy, ông đã xuất hiện. Bây giờ nhớ lại, tôi không thể

nghĩ gì khác hơn là sự ngẫu nhiên đó đã đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời của tôi. Một năm trước đây, trong khi đang viết một cuốn truyện dài, đôi khi tôi có suy nghĩ về sự ngẫu nhiên nói trên. Trong cuốn tiểu thuyết đó, tôi đã đưa ra hai khuôn mặt để so sánh với nhân vật chính: một khuôn mặt mệt mỏi, rã rời và hốc hác của chúa Ki-Tô trên tấm ảnh mà con chiên sẽ phải dẫm lên (fumie) và một khuôn mặt khác cũng của Chúa nhưng bình yên, thanh thoát, đầy nhiệt tình và sức sống thấy trong các bức tranh tôn giáo phương Tây. Hai hình ảnh đã đến trong lòng tôi lúc cầm bút viết là khuôn mặt của ông vào thời điem ấy và khuôn mặt của lão già đã bị đuổi ra khỏi hội thánh.

Mùa thu năm đó, tôi bị chứng sưng ruột thừa phải vào nằm trong bệnh viện

Seiai (Thánh Ái) ở Nada. Hôm sau khi tháo chỉ vết mổ, trong lúc tôi được bác và mẹ cho ăn cháo, đột nhiên ông đã bước vào phòng bệnh viện. Bà bác và mẹ tôi ngạc nhiên, đứng cả dậy. Không phải họ ngạc nhiên vì sự có mặt của một vị linh mục. Cho đến lúc đó, người mà chúng tôi gặp chỉ là các cha xứ, hầu là cha xứ của giáo phận chúng tôi hay một của một nơi khác và họ chỉ là những người đàn ông xương xẩu với cặp mắt kính tròn dày cộm mà thôi. Đặc biệt nếu có một cha xứ Nhật Bản thì chúng tôi sẽ xem cung cách để đoán ông ta là người Nhật chính gốc hay là người Nhật đời thứ hai (nisei). Lúc đó, khi cánh cửa buồng mở ra, ông đã xuất hiện và dáng điệu hoàn toàn không giống ai hết. Thân thể săn chắc của ông được bó gọn trong một tấm áo chùng đen có cổ kiểu giáo hội (Roman collar) may cắt kỹ lưỡng,

còn khuôn mặt đầy đủ chất dinh dưỡng kia đang hé nở một nụ cười nho nhã. Tất cả đã đủ làm cho ba người Nhật chúng tôi phải bối rối. Sau khi kính cẩn chào bà bác và mẹ, ông đã nhìn xuống tôi, lúc ấy đang cầm nguyên bát đũa trên tay và ngậy ra như phồng đá. Tiếng Nhật của ông nghe thật lưu loát. Còn tôi thì vừa quệt mồ hôi trán vừa cố gắng tìm câu trả lời. Nào là “Vâng, cháu khỏe rồi ạ!”, “Dạ không, cháu chẳng thấy buồn gì cả: v.v... Thế rồi, sau khi ông bước ra khỏi phòng và tôi thốt lên: “Ngài đẹp trai ghê!”, chợt thấy mẹ tôi cất tiếng thở dài: “Phí quá nhỉ! Một người như vậy mà không chịu kết hôn, chỉ làm linh mục” và bác tôi bắt đầu tỏ ra bức tức khi thấy cô em gái không biết giữ lời.

Thế nhưng hình như mẹ tôi thích ông thật tình. Mỗi lần đến bệnh viện

thăm tôi, lúc nào bà cũng hỏi tôi xem ông đã đến hay chưa!

– Mẹ chỉ nhiều sự. Con đâu thèm để ý ba chuyện đó!

Không hiểu sao tôi lại đâm ra khó chịu và trả lời mẹ bằng một giọng xấc xược như vậy. Thế nhưng mẹ tôi, với cái tính hiếu kỳ rất đàn bà đã tìm hiểu để biết cả những chi tiết như việc ông vốn là một quân nhân từng theo học ở trường sĩ quan, sau đó đã chuyển hướng và chọn con đường giáo sĩ để vào Thần học viện rồi sang Nhật, lại từng sống trong chủng viện Kakogawa một năm trời vv.

– Đức cha không phải là một linh mục xoàng đâu nhé! Ngài sinh trong một gia đình học giả đấy. Người mẹ nào có được một đứa con lỗi lạc như ngài chắc phải hãnh diện lắm.

Mẹ nói như thể khuyến khích tôi nhưng phần tôi thì tuy chỉ là một đứa bé con nhưng đã cảm thấy rằng đó không phải là những lời mà một người mẹ bắt con mình phải nghe.

Sau khi tôi đã xuất viện, thỉnh thoảng mẹ vẫn dắt tôi đến bệnh viện trở lại. Nghe các giáo sĩ khác giảng, bà vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn. Tuy đã xong lễ rửa tội nhưng đối với người vốn thích sự toàn hảo thì sự xuất hiện của ông đã làm cho bà cảm thấy như kẻ đang khát mà được uống đến thỏa thuê. Còn con người qui củ, sống ở đời như bước trên mặt đường tráng nhựa an toàn kiểu bố tôi thì không thể nào chịu đựng được lối sống của bà. Để khỏi rơi vào sự cô độc, có một lúc bà đã nghe theo lời khuyên của chị mình và bắt đầu lui tới với giáo hội Cơ Đốc nhưng giờ đây bà đã vào đạo

hắn. Cùng với công việc dạy âm nhạc ở một vài ngôi trường vùng Hanshin, bà bắt đầu ngẫu nhiên đọc những quyển sách ông cho mượn. Kể từ thời gian đó, cuộc sống của bà đã hoàn toàn thay đổi. Bà tự trói mình trong một kỷ luật cầu kinh nghiêm khắc và bắt cả tôi phải làm theo. Mỗi sáng, bà kéo tôi dự lễ Misa, còn mỗi khi có chút thời giờ thì bắt lần chuỗi mân côi (Rosario). Bà còn bắt đầu có ý định nuôi dạy tôi theo kiểu mà trong tương lai, tôi có thể trở thành linh mục giống ông.

Tôi không muốn viết ra đây sự giao du về mặt tinh thần giữa ông với mẹ tôi đâu. Thế nhưng hai năm sau, ông đã đến thăm bà bác và mẹ tôi mỗi thứ bảy sau khi đã nhận nhiệm vụ làm linh mục cố vấn cho hai người. Bận của bà bác và tín đồ trong giáo hội cũng đến họp hành với

chúng tôi. Bây giờ, tôi phải nói trắng ra là mọi sự thống khổ của tôi đã bắt đầu từ cái hôm ông ghé nhà chơi. Từ đó, mẹ càng ngày càng khắt khe với tôi hơn bởi vì bà đã bắt tôi đi rửa tay, đi cắt tóc và còn ra lệnh:

– Khi Đức cha đến thì mày phải chỉnh tề đấy nhé!

Khổ nổi, khi chen chân vào trong đám người lớn để nghe những điều ông bảo ban, đứa trẻ như tôi nào đã hiểu được gì! Không biết vì quá căng thẳng hay vốn mang một thể chất yếu đuối (chắc ông chả lạ gì chuyện sức khỏe tôi vốn èo uột từ bé), chỉ đứng bên cạnh mẹ và chống lại cơn buồn ngủ là tôi đã hết hơi. Đến đây thì những chuyện như Kinh Thánh Cựu Ước hay Tân Ước, Ki-Tô hay Mô-i-se (Moïse) đối với tôi thì ra sao cũng được. Lấy tay bấu vào đùi mình hay nghĩ sang

chuyện khác, vì quá chán nên mi mắt càng ngày càng nặng và cố gắng chống lại cơn buồn ngủ đang hành. Chỉ vì sợ hãi cặp mắt nghiêm khắc của mẹ đang nhìn mình trừng trừng, rốt cuộc tôi đã làm đủ cách để thành công việc ngăn chặn giấc ngủ đang kéo tới và chịu đựng như thế trong một tiếng đồng hồ.

Những buổi sáng mùa hè thì không nói gì, nhưng ngay cả những sáng mùa đông, mẹ cũng không cho phép tôi trễ nãi việc đi nhà thờ. Từ năm giờ rưỡi sáng! Lúc ấy, màn đêm hãy còn trải rộng đến phân nửa bầu trời và trong lúc những nhà khác vẫn còn chìm trong giấc ngủ thì tôi đã phải lẳng lặng bước sau lưng bà, phà hơi thở vào tay cho đỡ cóng và bước về hướng nhà thờ trên một con đường đầy sương giá.

Tôi đã phải đứng dưới ánh đèn tù mù bên cái bục giảng của ông cha xứ người Pháp nọ, hai tay chấp lại, còn người thì cúi gập, một mình đọc kinh lễ Misa. Những cái bóng đang quì bên trong cái giáo đường lạnh lẽo và in lên vách chỉ là bóng của hai bà lão và của hai mẹ con tôi. Mỗi khi nhận ra rằng tôi chỉ giả vờ đọc kinh và đang ngủ gật là mẹ lại quắc mắt nhìn với cái nhìn đầy hăm dọa.

– Mà đi lễ kiểu đó thì mai sau làm sao thành người như Đức cha được chứ?

Đức cha ở đây chính là ông đó! Đối với bà, ông là hình ảnh lý tưởng mà trong tương lai, bà muốn tôi phải đạt tới. Tôi phải trở thành một con người như thế. Tất nhiên là tôi đã phản ứng ngược lại. Tôi không thích chút nào bộ quần áo sạch sẽ ông mặc, khuôn mặt và những ngón tay được ông chăm chút một cách

thanh lịch. Tôi ghét cả nụ cười mỉm đầy tự tin của ông, cả học vấn lẫn lòng tin tôn giáo của ông. Ông còn nhớ điều đó không? Từ hồi đó, thành tích nhà trường của tôi đã bắt đầu suy thoái. Tuy thuở ấy, tôi chỉ mới học năm thứ hai trung học nhưng đã bắt đầu cố tình muốn mình trở thành một thiếu niên biếng nhác và hư hỏng. Lý do là khi trở thành một kẻ biếng nhác và hư hỏng như thế, tôi mới có thể thực sự sống trái ngược với phong cách của ông! Bắt đầu từ sự phản kháng đối với người mẹ những muốn nuôi dạy con mình rập khuôn theo cách sống đầy tự tin và lòng tin tôn giáo sâu sắc như ông, tôi đã cố tình bỏ bê học hành để trở thành một đứa học trò bết lớp. Dĩ nhiên, trước mặt mẹ, tôi vẫn ngồi vào bàn học ra dáng siêng năng nhưng thực sự thì tôi chẳng học hành gì ráo.

Vào thời đó, tôi có nuôi một con chó. Đó là một con chó tạp chủng (zasshu'inu) mà tôi đã xin được từ cửa hiệu bán lươn (unagiya) gần nhà. Không anh không em bên cạnh, cha mẹ lại trải qua một cuộc ly hôn phức tạp và không có một người bạn nào có thể thực sự chia sẻ được nỗi buồn đó nên tôi hết sức thương con chó khờ khạo này. Cho đến nay, trong những cuốn tiểu thuyết của tôi, đôi khi cũng thấy xuất hiện những con chó và chim nhỏ nhưng không phải là tôi muốn dùng chúng chỉ để làm cảnh. Thời gian đó thì đối với tôi, tôi có cảm tưởng sinh vật duy nhất có thể hiểu được cái tâm trạng cô độc của một thiếu niên như tôi chỉ có thể là con chó tạp chủng ấy thôi. Cho đến bây giờ, mỗi khi nhìn khóe mắt buồn rưng rưng của một con chó, chẳng hiểu sao tôi lại liên tưởng đến đôi mắt của Chúa Ki-Tô. Dĩ nhiên, Đức Chúa Ki-

Tô ấy không phải là một người ngày xưa đầy tự tin về cách sống của mình như ông đầu. Đó là một Đức Chúa mệт mỗi và phờ phạc trong bức tranh thánh dùng để dẫm lên (Fumie) đang dăm dăm nhìn về phía những kẻ đang đưa chân chà đạp mặt mình.

Như lệ thường, mỗi lần thành tích học tập tốt, tôi phải hứng cơn thịnh nộ của mẹ. Hình như bà cũng đã đến gặp ông để bàn bạc. Do đó, ông đã có lần nghiêm nghị khuyên tôi nên cố gắng học hành để mẹ khỏi lo buồn. Phần tôi thì cứ thì thầm trong bụng: “Ôi! Cái ông Tây này, biết gì mà nói!” Và rồi chỉ mượn cớ là cái người đi khuyên bảo tôi lại là ông nên càng dăm ra chảnh mǎng việc học. Có thể ông từng chỉ vẽ cho bà bác và mẹ tôi rằng, trong gia đình Tây phương, người ta không hoàn toàn né tránh việc

phạt đòn trẻ con và chỉ cần chúng không chịu nỗ lực là đủ để nhận hình phạt rồi. Thế rồi, để phạt tôi sau khi kết quả học kỳ thứ ba vẫn cho thấy sự sa sút, mẹ tôi đã ra lệnh tôi phải đem con chó cưng đi vứt.

Ngay cả bây giờ, tôi vẫn còn nhớ sự cay đắng đã đến trong lòng tôi lúc ấy. Dĩ nhiên là tôi không nghe theo cách dạy dỗ như vậy. Thế rồi, khi ở trường về, tôi đã không còn thấy bóng con vật yêu thương đâu cả. Mẹ tôi đã nhờ mấy cậu học việc bên hàng xóm đưa con chó đi đâu mất tích. Chuyện nhỏ cỡ này chắc ông không nhớ đâu. Có phải ông chỉ thấy con chó đó là một chướng ngại vật cản trở sự tập trung vào việc học của tôi và việc đem vứt nó đi đến từ lòng tốt muốn giúp đỡ tôi. Dĩ nhiên giờ đây tôi không có chút gì để oán hận ông về chuyện con chó nhưng

một trong những lý do tôi gọi lại chi tiết nhỏ nhất kia trên mặt giấy này là để cho mọi người thấy nó là một hành vi phản ánh đúng nhân cách của ông. Nghĩa là cái ông ghét nhất là sự yếu ớt, chệnh mảng hay sa đọa, dù chính nơi ông hay nơi người khác. Có lẽ truyền thống gia đình ông là như thế chẳng? Hoặc giả giáo dục quân nhân mà ông tiếp thu khiến ông trở thành như vậy cũng không chừng? “Đã là người, phải mạnh mẽ, phải năng nổ. Trong sinh hoạt cũng như trong tín ngưỡng, phải luôn luôn tôi luyện!” Tuy ông không nói ra một câu như thế nhưng ông đã hành động một cách thực tiễn. Dù bận bịu truyền đạo đến đâu, ông không hề lơ là công trình nghiên cứu cá nhân về Thần học và điều đó thì ai nấy đều biết. Không có điểm nào có thể chê trách ông. Mọi người (trong số đó có mẹ tôi) đã xem ông như một nhân vật lỗi lạc

và hết sức tôn kính ông. Vậy mà chỉ có một người, người đó là tôi, với tấm lòng trẻ thơ, đã bắt đầu cảm thấy khổ sở vì sự toàn hảo, không tì vết của ông.

Điều bất hạnh đến với tôi lúc đó là ông nhận một công việc mới. Một ký túc xá dành cho sinh viên và học sinh Ki-Tô Giáo đã được dựng lên trên vùng đất cao ở Mikage và linh mục tuyên úy của bệnh viện Seiai (Thánh Ái) là ông đã được chỉ định làm người chỉ đạo tinh thần cho lưu trú sinh ở đó. Trong các cuộc hội họp nghe giảng KinhThánh, trước mặt đám đông, lúc nào ông cũng làm ra vẻ ái ngại và từng tuyên bố “Tôi không hợp với những chức vụ như thế này nhưng vì là mệnh lệnh bên trên nên đành chấp nhận”. Điều này chứng tỏ rằng ông không hứng thú với công việc của mình cho lắm. Một hôm trên đường

về, mẹ đã bắt chợt hỏi xem tôi có thích vào ký túc xá ấy sống thử hay không. Có lẽ mẹ nghĩ rằng nếu có cơ hội sống gần ông thêm thì thành tích học tập trên đà sa sút của tôi có thể trở lại như xưa. Bà cũng nghĩ rằng về phương diện tôn giáo, tôi cũng có thể tiến bộ hơn. Tuy tôi bao lần đã giãy nẩy trước đề nghị đó, nhưng như ông đã biết, tính tình mẹ tôi khắt khe như thế nào rồi. Năm đó, khi tôi đem quyển thông tin bạ không mấy đẹp đẽ của tôi về nhà, bà đã gửi tôi vào ký túc xá nơi ông vừa nhận nhiệm vụ giám sát được nửa năm.

Đó là một ký túc xá rất nghiêm khắc, không biết nó có rập theo khuôn mẫu ký túc xá thuộc Thần học viện hay là ký túc xá của một học viện quân sự thời ông hay chẳng? Không phải muốn kiếm có để bào chữa cho mình nhưng hồi đó, tôi

cũng cố gắng lắm đấy. Dù vậy, tất cả chỉ là công cốc vì kết quả không như ý. Ông hay dặn tôi là: “Cứ làm hết sức là được!” nhưng coi bộ nó không phải là điều ông nghĩ. Dù việc tôi làm không chút ác ý nhưng ông vẫn thấy được cái chỗ yếu kém của tôi. Ông bảo: “Cháu hãy vì mẹ!” mà rèn lại và gõ lại thêm lần nữa. Thế nhưng tôi có cảm tưởng là cái chùy mà ông vừa nói tới đã đập nát đời tôi.

Nếu tôi viết ra từng chuyện một thì sẽ không bao giờ chấm dứt. Không hiểu ông có còn nhớ ra một chuyện như thế này không nhỉ? Những sinh viên lưu trú trong cư xá (tuy nói thế nhưng phần lớn là các anh học sinh trường nghề trở lên, lứa tuổi còn học trung học chỉ có tôi và một người nữa là cậu N.) mỗi sáng sau khi thức dậy vào lúc 6 giờ và xong lễ Misa, trước giờ ăn sáng, đã phải theo

ông tập chạy bộ trên một con đường núi đằng sau cư xá như một tiết mục bắt buộc trong ngày. Chuyện như vậy thực tình tôi không đương nổi. Đối với người đã được huấn luyện quân sự như ông hay các anh sinh viên có thể không thành vấn đề nhưng một đứa trẻ yếu đường hô hấp như tôi thì chưa chi, mắt đã hoa lên và hết thở nổi. Sau khi chạy xong, tôi thường đổ mồ hôi hột và mệt lả không muốn ăn uống, đôi khi còn bị triệu chứng thiếu máu lên não. Do đó, tôi mới đổi cách chạy sao cho khỏi mệt với dụng ý đánh lừa mắt ông. Cuối cùng, cái trò đó đã bị ông khám phá. Lúc ấy, ông đã bảo là những gì cậu N., vốn cũng là học sinh trung học làm được, tất tôi cũng phải làm được. Thế nhưng một người tráng kiện như ông thì làm sao hiểu được tình cảm của kẻ thể chất ốm yếu khi bị bắt phải huấn luyện như thế.

– Cháu xem! Mọi người đều hằng hái tập chạy bộ để thân thể cường tráng. Sao mỗi mình cháu là không chịu cố gắng?

Đó là những lời ông phán quyết về tôi. Ông coi tôi như là một thiếu niên tự chuyên, không biết thích ứng với những hoạt động tập luyện có tính cách đoàn thể.

Mỗi ngày, đám học trò đều đi đến lớp của họ nhưng khi từ trường về, sau giờ cơm chiều là phải nghe bài giảng của ông. Có lúc tôi vừa nghe vừa ngủ gật. Đến khi vào phòng lễ bái (chapel) cầu kinh, tôi cũng ngủ gật. Thân thể tôi ốm yếu như thế nên sau khi đã mệt mỏi vì những giờ học chữ và giờ huấn luyện quân sự ở trường trung học, thì ông phải biết cho rằng tôi còn sức đâu mà nghe những bài giảng khó khăn về Thần học, hở ông?

Trong một buổi tối như thế đó, lúc cả bọn đang nghe ông giảng Thần học thì giống mọi lần, tôi đã bắt đầu lắc lư như con tàu say. Tuy đang ngồi ở trong một góc sâu, hình như tôi đã phát ra một tiếng ngáy khe khẽ. Nhận ra là tôi đang ngủ gật, ông đã ngưng phát bài giảng. Được cậu N., người ngồi bên cạnh, thúc nhẹ vào sườn ra hiệu, tôi mới ngạc nhiên mở mắt. Mặc cỡ quá vì lúc ấy, nước rãi từ khóe miệng đã chảy xuống làm ướt cái áo mặc bên trên. Cả bọn bắt đầu cười nhưng vì đụng phải cái nhìn nghiêm khắc của ông nên họ đã nín ngay. Đột nhiên, ông đã vung một cánh tay lên:

– Cút đi! (Dete ike!)

Ông đã quát to và bằng tiếng Nhật. Đây là lần đầu tiên tôi thấy bộ mặt đỏ bừng lên vì giận dữ của ông. Ngày thường, tôi chỉ chứng kiến cảnh ông mỉm cười vui

về và lịch sử với bà bác, với mẹ tôi và với những tín hữu khác cho nên gương mặt đầy nộ khí đến méo xệch như hôm đó là cái tôi chỉ mới thấy lần đầu. Ông không giận dữ vì tôi ngủ gật. Ông chỉ giận tôi vì trong bất cứ trường hợp nào, tôi cũng vin vào lý do ốm yếu để không tuân thủ kỷ luật trong nếp sống ở cư xá. Đó là điều về sau này ông đã giải thích cho bà bác và mẹ tôi nghe. Có lẽ là đúng như thế. Tôi nhìn nhận mình là một lưu trú sinh luôn luôn có lý do để không tuân thủ chương trình hằng ngày của cư xá. Cũng như ông nói, tôi xin nhận là mình chưa cố gắng đủ. Thế nhưng việc thân thể tôi không cho phép tôi theo nổi sinh hoạt lý tưởng mà ông đề ra cũng là điều rất thật. Không phải cái tôi giờ đây đang muốn biện hộ cho cái tôi ngày đó đâu. Tôi chỉ xin thừa rằng thiện chí và ý chí của ông chỉ có hiệu quả khi áp dụng cho

kẻ mạnh, còn như khi đem áp dụng cho kẻ yếu, nó chỉ gây ra sự nghiệt ngã. Có thể bảo là thay vì đem lại một kết quả gì đó, nó khiến cho đối tượng bị tổn thương một cách vô ích.

Rốt cuộc, vào cư xá của ông chưa được mười tháng, tôi đã ra khỏi đó để về sống với mẹ. Dù con trai mình bị xem là đứa biếng nhác nhưng với bản tính của một người mẹ đơn thân, bà luôn cố tìm ưu điểm và sở trường của tôi, chứ về phía ông thì kể từ dạo đó, ông đã thất vọng và khinh miệt tôi hẳn. Tuy thái độ này đã có từ xưa nhưng lúc sau này, ông dần dần không còn muốn bắt chuyện với tôi nữa. Như vậy, giấc mơ của mẹ - cái giấc mơ muốn tôi trở thành một linh mục như ông - đã hoàn toàn sụp đổ.

Tôi thử đọc lại những gì mình vừa viết đến đây, vì tôi lo lắng không biết có

điều gì gây hiểu lầm cho ông không. Nhất là tôi không bao giờ dám quên những cảm tình nồng hậu mà ông đã dành cho gia đình chúng tôi. Có lẽ nhờ có sự hiện diện của ông mà mẹ tôi đã vượt qua được những bế tắc của thời kỳ hậu ly hôn và khiến cho niềm tin Ki-Tô giáo trở thành tôn giáo của bà. Nó đã nâng đỡ bà cho đến khi bà mất. Riêng tôi thì lúc nào cũng cảm tạ ông bởi lúc nào ông cũng có mặt bên mẹ tôi những lúc bà cần và cho đến giờ phút cuối.

Tuy nhiên, ở đây tôi muốn nói đến một chuyện khác. Theo tôi thì ở đời, nếu có người mạnh thì cũng có người yếu. Vào thời điểm đó, ông chính là một con người rất mạnh. Ngược lại, tôi chỉ là một kẻ nhát nhúa, thiếu cá tính. Ông tự tin về cách sống, về tín ngưỡng, về thể xác, về tất cả những gì liên quan đến mình. Khi

đến Nhật Bản truyền giáo, ông đã mang theo một niềm tin như đinh đóng cột. Phần tôi thì cho đến nay, tôi chỉ là một gã đàn ông chưa lần nào biết tự tin và chẳng có một niềm tin nào cả. Bây giờ, may ra ông mới chịu hiểu là có người như vậy, chứ lúc trước nhất định ông đã lắc đầu quầy quậy. Ông lắc đầu bởi vì ông tin rằng đã là người thì phải biết tuyên bố một cách mạnh dạn rằng suốt đời tôi sẽ nỗ lực để hướng về những giá trị cao cả hơn. Thế nhưng sự mạnh mẽ ấy vẫn ngầm chứa một mối nguy hiểm. Nó giống như một cái bẫy đang giăng ra hay một lớp băng mỏng nằm dưới bàn chân mà ta không ngờ tới. Không phải là đợi đến 15 năm sau, ông mới hiểu rằng chính từ nơi đó, một tôn giáo thực sự đã bắt đầu?

Cái năm mẹ mất là lúc tôi vừa xong cấp hai và chưa thi đỗ vào một trường cấp ba nào, nói đúng ra là lúc tôi đang bước vào năm thứ hai của cuộc sống lang thang không bến đậu (rônin). Thi bao nhiêu hỏng bấy nhiêu, hỏng đến độ người mẹ khất khe là thế mà không còn biết nổi giận, bà mệt mỏi đến độ chỉ thờ dài thườn thượt vì tôi. Bây giờ mỗi khi nhớ lại khuôn mặt của mẹ thời ấy, tôi hãy còn đau nhói trong tim. Từ lúc đó trở đi, bà thường dễ mệt, đôi khi than là mình chóng mặt, Một hôm, ông đã đưa mẹ tôi vào một bệnh viện để khám và thấy huyết áp của bà lên khá cao. Tuy nhiên mẹ tôi vẫn chăm chỉ làm việc như mọi ngày, sáng nào cũng dự lễ Misa và giữ đúng mọi qui luật nghiêm khắc trong sinh hoạt.

Giờ khắc mẹ qua đời, tôi trót đi xem chớp bóng cùng chúng bạn. Khoảng thời gian đó, tôi hay dối mẹ là mình đang đến lớp luyện thi để rồi suốt nửa ngày trời cứ chui rúc trong các quán nước và rạp phim ở khu Mimiya. Cuối tháng 12, khi tôi từ rạp bước ra thì trời đã sụp tối. Tôi lại gọi điện thoại định đánh lừa mẹ rằng tôi đang có một cuộc thi thử. Thế nhưng không ngờ người cầm ống nghe ở đầu dây bên kia lại là ông! Lần đầu tiên tôi mới biết rằng mẹ bị ngã ở ngoài đường và khi nhận tin cấp báo, ông đã tất tả đến nơi, phân công ngay cho mọi người tìm kiếm xem tôi đang ở đâu. Mới nghe giọng của ông hỏi: “Cháu đang ở đâu đấy?” là tôi đã vội vàng cúp máy. Ngồi trên chuyến xe điện Hanshin để về nhà tôi thấy mình sao mà xui xẻo đến thế. Trên đường về, tôi nghĩ mình chưa bao giờ chạy với một tốc độ nhanh như vậy.

Vừa bấm chuông xong, người ra mở cửa gian tiền đường chính là ông. Ông chỉ thì thảo có một câu: “Không xong rồi!” Mẹ đã được đặt nằm trên giường, giữa đôi mày vẫn còn in một chút dấu vết của sự khổ muộn. Bà bác và các tín hữu trong giáo hội đang tụ tập chung quanh và tôi cảm thấy mọi ánh mắt trách móc của họ như đang đổ dồn vào mình và tôi chỉ còn biết chăm chú nhìn vào khuôn mặt của người chết bấy giờ đã đổi sang màu sấp. Lạ thay, lúc ấy tôi như mất đi ý thức, không còn cảm thấy gì, ngay cả nỗi buồn và lòng cay đắng. Tôi chỉ ngẩn ngơ thôi. Còn ông thì giữ im lặng. Kẻ khóc được là những người khác.

Đám tang xong xuôi, sau khi mọi người đã rút lui, căn nhà trở nên hoang vắng. Lúc đó, chỉ còn có ba người: bà bác, ông và tôi. Cuộc sống từ rày của tôi

phải được quyết định vào lúc này. Thế nhưng ông lại còn có vẻ ngần ngại hơn cả tôi nữa. Ông ngần ngại như một người vừa đánh mất vật gì mới đây mình hãy còn có. Do đó, bà bác mới hỏi tôi con sẽ làm sao và tôi đã trả lời là mình không muốn phiền hà ai cả. Lúc đó bà bác mới nhắc đến cái tên của bố, người chồng mà mẹ đã ly hôn. Nghe thế, ông mới rời khỏi trạng thái mơ màng để ngẩng đầu lên và đưa ra ý kiến là mọi việc chỉ tùy thuộc vào ý chí của tôi thôi. Thế rồi ông quyết định đến gặp bố tôi để cho hay về tình hình hiện tại của tôi.

Chuyện xử lý ngôi nhà của mẹ được giao thẳng cho bà bác và ông lo liệu, còn tôi thì sẽ về lại Tôkyô sống bên cạnh bố. Cuộc sống chung đụng với vợ chồng của bố – những người tôi không có tình cảm gia đình nào – đã bắt đầu từ hôm ấy.

Thử sống với bố ít hôm, tôi cảm thấy mình đã hiểu rõ phần nào lý do bố mẹ phải chia tay. Những lời bố tôi bày tỏ ra hầu như đều qui về một kết luận là: “Cứ sống bình thường là tốt nhất!” “Sống không sóng gió là hay hơn cả”. Khi nào rảnh rỗi với công việc ở sở, sinh hoạt của ông không ra ngoài việc chăm sóc mấy chậu kiểng (bonsai), cắt tỉa thảm cỏ ngoài vườn và nghe phóng thanh trực tiếp từ ra-đi-ô những trận đấu bóng chày (dã cầu). Về tương lai của tôi cũng vậy, mỗi ngày ông đều khuyên tôi hãy chọn cuộc đời tư chức (salaryman) an toàn. So với những ngày chỉ có mẹ con bên nhau, giờ đây trong cuộc sống thường nhật, tôi không còn cảm thấy có ai khắt khe với mình như trước nữa. Hồi đó, vào những sáng mùa đông, mẹ đã đánh thức tôi dậy để dắt tôi theo bà đến nhà thờ trong màn sương dày đặc. Trong ngôi giáo đường

âm u ấy, ngoài hai bà lão đang quì gối cầu kinh, chỉ có ông cha xứ người Pháp đang đứng đối mặt với cây thập giá mà trên đó Chúa Ki-Tô từng đổ máu. Thế nhưng, trong ngôi nhà của bố, tôi chưa từng nghe bố đả động một câu nào về tôn giáo với nhân sinh, có chăng là những đề tài như ra-đi-ô hàng xóm quá ồn ào và số gạo bao cấp quá ít ỏi. Trong khi đó, mẹ chỉ nhồi vào đầu tôi những ý tưởng như ở trên mặt đất này, chỉ có những gì Chúa ban cho mới là cái huy hoàng, cao sang bậc nhất. Nếu tôi mở miệng phát biểu những lời như vậy trong nhà của bố thì tức khắc sẽ bị ông cười vào mũi. Về mặt vật chất, tôi sống thoải mái, đầy đủ hơn thời trước rất nhiều, nhưng mỗi ngày vẫn cảm thấy rằng mình đang phản bội mẹ. Tuy sống kham khổ như thế nhưng giờ đây, không ngày nào mà tôi không ngậm ngùi nhớ lại quãng thời gian sống

bên cạnh mẹ. Tôi chỉ còn một phương tiện duy nhất để xoa dịu phần nào nỗi khổ trong lương tâm là giải bày nó trong những bức thư gửi cho ông. Lý do ư? Ông là người duy nhất mà cho đến lúc chết, mẹ tôi tôn kính hơn ai hết. Khi viết thư cho ông như vậy, tôi có cảm tưởng nhất thời là đã xóa bớt đi cái mặc cảm tội lỗi vì phản bội ý chí của mẹ mình.

Đôi khi tôi đã nhận được những bức thư hồi âm ngắn ngắn của ông. Khi bố tôi nhìn thấy tuồng chữ ông trên phong bì, bố đã khó chịu ra mặt. Có lẽ bố không thích trong đầu đứa con trai mình hãy còn kỷ niệm về mẹ nó, những lời nói bà để lại cũng như hình ảnh những người xưa kia thân thiết với bà.

– Mấy đừng giao du chi với bọn thầy dòng chỉ biết Amen!

Ông có lần nhìn đi chỗ khác và hậm hực như thế. Thế rồi năm tiếp theo, sau bao trầy trượt, tôi chui vào được một đại học tư, ông cũng thông tin cho tôi là mình sẽ đi phỏ nhậm ở một Thần học viện ở Tôkyô.

✱

Giờ đã khuya lắm rồi. Trong ngôi nhà vắng lặng vì vợ con đều đi ngủ cả, chỉ có mình tôi, vì thảo bức thư này, phải ngồi ôn lại từng kỷ niệm một từ trong quá khứ. Thế nhưng, đọc lại mấy trang đã viết, tôi thấy những sự cố mình không thể viết ra hãy còn quá nhiều. Bây giờ tôi lại nhận ra thêm lần nữa là kể về ông và kể về mẹ tôi là một việc khó khăn đến mức độ này. Nếu muốn viết ra tất cả, tôi sẽ phải đợi đến khi người trong

cuộc không cảm thấy những điều đó làm tổn thương họ nữa. Không! Không chỉ có chừng ấy. Tôi còn phải vạch trần tất cả về con người mình cho đến ngày nay. Để thấy rằng ông và mẹ tôi đã bầu chặt vào đời tôi và cắm rễ sâu trong đó. Cuối cùng, qua những tác phẩm tiểu thuyết của mình, tôi đã có thể trình bày về những vết tích mà ông và mẹ đã để lại nơi tôi, cũng như bản chất của chúng.

Thế nhưng để tiếp tục trình bày cho dễ hiểu, tôi buộc lòng phải quay lại với những chuyện xảy tiếp theo chỗ tôi vừa bỏ dở. Ngày ông vừa lên Tôkyô, tôi đã đến tìm gặp ông ngay. Ông không có gì thay đổi. Ông không có cả cái sắc mặt trắng bệch vì thiếu máu thường thấy nơi những linh mục và thầy dòng khác. Giày dép ông đi bao giờ cũng được đánh bóng, Bộ quần áo ông mặc đã được chải và là ủi

cẩn thận. Ngay cả cách ăn nói quả quyết, đầy xác tín vẫn không thay đổi. Biết rằng tôi đã chấm dứt được quãng đời rônin long đong, ông đã tỏ ra vui mừng nhưng thấy tôi làm thình khi nghe ông hỏi: “Có còn tin Chúa không? Không bỏ một lễ Misa nào chứ?”, ông liền làm mặt không bằng lòng. “Cháu thiếu gì thời giờ rảnh. Hay trong người vẫn không khỏe giống hồi xưa?” Qua vẻ mặt của ông lúc đó, tôi đã nhìn thấy được sự thất vọng và khinh miệt đối với tôi như cái hồi tôi bỏ cư xá ông cai quản để ra đi.

Thái độ đó một lần nữa đã làm sống lại tinh thần chống đối tôi có hồi nhỏ. Nhất là ông đã viện cớ công việc mới ở Thần học viện rất bận rộn làm ông không có thời giờ nhưng rốt cuộc là hai chúng ta ngày càng ít cơ hội gặp nhau. Tuy vậy, không phải vì thế mà sự hiện diện của ông

đã biến mất khỏi lòng tôi. Sống chung với bố, tôi lại thấy sự gắn bó với mẹ nơi tôi ngày càng sâu đậm. Những mối hận lòng tôi có vì bà nay đã biến thành hoài niệm, đến độ cái tính nết khắt khe trước kia của bà, bây giờ cũng được tôi mỹ hóa. Ít nhất tôi có thể nói là nhờ có mẹ mà tôi - từ một kẻ lười lỉnh, sống nửa vờ - đã được bà thổi vào nơi sâu thẳm trong tâm hồn cái ý tưởng phải sống trong một thế giới cao cả hơn. Huống chi ông lại là một phần quan trọng của đời bà. Việc tôi chọn vào Khoa Văn của Đại Học một phần nào cũng chịu ảnh hưởng của mẹ vì tôi vẫn thường xuyên quan sát lối sống của bà. Và cũng có lẽ vì tôi nhận ra rằng ông và mẹ tôi thuộc về một thế giới riêng biệt, rất khác với lối sống của bố tôi và những người khác. Nếu tôi sống xa ông và mẹ tôi bao nhiêu, lối sống của tôi sẽ khác với hai người bấy nhiêu. Mỗi lần

nghĩ đến đó, tôi không khỏi hổ thẹn về mình.

Thế rồi chiến tranh lại làm cho ông và tôi phải xa nhau lần nữa. Ngày hôm đó, đột nhiên ông đã gửi thư thông báo cho tôi là ông phải bỏ Tôkyô để lên Karuizawa sinh sống. Lý do là cũng như bao nhiêu giáo sĩ ngoại quốc, ông đã nhận mệnh lệnh cưỡng chế phải lên vùng Karuizawa sơ tán. Gọi là sơ tán nhưng địa điểm tập trung ấy chẳng qua là một loại nhà giam mà rõ ràng là bọn các ông sẽ phải sinh hoạt dưới sự giám sát của cảnh sát và hiến binh Nhật Bản.

Cũng vào dạo đó, chúng tôi không còn lớp nữa, thay vào đó, phải đến làm việc ở công binh xưởng ở Kawasaki để chế tạo đồ phụ tùng cho chiến đấu cơ Zero, vừa nơm nớp sợ quân Đồng Minh oanh tạc. Mua được cái vé tàu hỏa đi Karuiza-

wa đã là một chuyện khó khăn nhưng cuối cùng, khi có chiếc vé trong tay, một buổi sáng mùa đông, tôi đã khởi hành về phía cái thị trấn nhỏ ở vùng Shinshuu (tên cũ của Nagano) ấy. Tôi vẫn còn nhớ cái lạnh như dao cắt vào má của vùng núi non khi mới vừa bước ra khỏi ga. Vào thời bình, thị trấn nghỉ mát nhỏ bé này nhất định phải nhộn nhịp nhưng bây giờ hoàn toàn hoang vắng, tiêu điều, lặng lẽ như đang có âm khí trùm lên. Trước mặt ga là trụ sở của hiến binh, trong đó hai người lính với cặp mắt thật sắc đang hơ tay trên cái lò sưởi con bằng than (hibachi). Trong cánh rừng thông (karamatsu¹) vài làn khói thổi cơm của nhóm “khách đi sơ tán” (sokaikyaku) đang tỏa lên một cách buồn bã. Tôi đến trụ sở của khu phố hỏi thăm thì được ông trưởng

1 Tạm dịch. Karamatsu là một loại cây tùng cao khoảng 20m, có nhựa và quả, thường thấy ở miền Đông Nhật Bản. Kara viết chữ Hán là Đường tùng / Lạc điệp tùng.

phố đưa đến chỗ các ông đang sinh hoạt, một ngôi nhà bằng gỗ cất theo kiểu Tây phương. Rốt cuộc, khi vào đến cái sân lạnh như đông đá, tôi đã giáp mặt ông. Khi rời xa chỗ ông trưởng phố đôi bước, ông nói trong khi vẫn đứng đầu lưng lại tôi: “Vẫn không bỏ lễ Misa chứ? Vẫn tin Chúa đấy chứ?” Ở đây, ông vẫn mặc bộ đồ tuy cũ mềm nhưng được chải gỡ nên sạch sẽ. Có điều là đôi bàn tay ông đã sưng lên vì phỏng lạnh. Ông bỏ đi vào trong ngôi nhà ấy một lúc rồi đi ra và mang theo một món đồ gói trong giấy báo.

– Mang cái này về nhá!

Ông nói nhanh rồi đặt cái bọc bằng giấy đó vào tay tôi. Thấy có gì quái quái, ông trưởng phố bèn xích lại gần:

– Cái gì đó vậy?

Tôi thấy ông có vẻ phần khái khi đáp trả:

– Thôi bơ (butter) người ta cấp cho tôi. Dem đồ của mình đi cho thì có gì xấu?

✱

Chiến tranh đã chấm dứt. Ông từ Karuizawa trở lại Tôkyô, còn tôi suýt nữa bị trưng binh nhưng đã được miễn, rồi từ vai trò dân công trong một công binh xưởng, tôi đã được trả về đại học. Đối với giới Ki-Tô giáo Nhật Bản, một thời đại mới đã bắt đầu. Những linh mục ngoại quốc trong thời chiến từng bị cảnh sát tình nghi là gián điệp cũng như những kẻ bị bắt buộc sơ tán như các ông, nay bắt đầu tha hồ tự do giảng đạo.

Phía Nhật thì có người vì muốn tìm cho mình một lẽ sống, có người muốn nhận ít lương thực, có người thích giao du với người nước ngoài đã tìm đến với giáo hội. Trong khoảng thời gian đó, đôi khi tôi thấy bóng ông lái xe Jeep bên ngoài Thần học viện nhưng lúc bấy giờ, hình như ông hết sức bận bịu. Lý do là ông đã nhận nhiệm vụ tái thiết và mở mang Thần học viện vốn bị thu hẹp trong thời chiến. Đến thăm ông thì thấy, trong cái trụ sở giống như một đòn chả (kamaboko) bằng hợp kim đư-ra² - một loại kiến trúc thời đó hầy còn hiếm – các cô trợ lý đang cật lực trả lời hết điện thoại này đến điện thoại khác để giải quyết vấn đề. Các cô thường trả lời một cách huyet toẹt kiểu:

– Đức cha không có đây!

2 Duralumin hay Dura-nhôm (hợp kim nhôm, đồng và manganê-si)

– Ôi chao, ai mà biết lúc nào gặp được Ngài đâu!

Chính ra, những chuyện đó không đáng gì đáng nói. Tuy nó lắm ca lắm cảm nhưng tôi phải đưa ra đây bởi vì tôi có hơi lưỡng lự khi sắp đụng tới phần cốt lõi của lá thư đang viết nửa chừng này. Mới đây, khi sắp đến chỗ phải kể lại “sự cố” đó, tự dưng tôi thấy ngòi bút của mình chột cùn hẳn. Vì e rằng sẽ làm tổn thương ông sâu sắc nên đến đoạn này tôi đã phải ghìm lại ngòi bút của mình. Thế nhưng, xin ông tha thứ cho tôi!

Tuy vậy, tôi vẫn chưa biết phải viết tiếp như thế nào. Trời ạ, sao lại ra nông nỗi này! Đến giờ, tôi vẫn hoàn toàn chưa hiểu lý do. Tôi không biết cách giải thích những điều mà ngày một ngày hai đã xảy đến cho ông. Trong tác phẩm tiểu thuyết nhan đề “Mưa” (Rain, 1921), Somerset

Maugham³ có kể lại câu chuyện của một nhà truyền đạo đã từ từ bứt phá mọi rào cản để đem lòng yêu một người đàn bà. Maugham đã muốn dùng tiếng mưa dầm đơn điệu đang rơi để từ bên ngoài, giải thích cho quá trình nội tâm đó. Sử dụng kỹ thuật đó thì khéo léo đấy nhưng khi nghĩ về ông, tôi không thể nào làm một việc thiếu thành thực như thế. Sau khi “sự cố” ấy xảy ra, có ai đó đã nói:

– Ôi chao, thật sao?... Ba chuyện tầm phào như vậy làm gì có nhỉ?

Đến tôi, tôi cũng không thể tin. Tuy nhiên, nó là sự thực. Và giờ đây, với bao năm tháng đã trôi qua từ khi có “sự cố”

3 William Somerset Maugham (1874-1965) tiểu thuyết gia, kịch tác gia, tự truyện gia người Anh. Tác giả *Of Human Bondage* (Hệ lụy nhân sinh). *Rain* (Mưa) là một truyện ngắn trình bày quá trình “xuống cấp” về mặt đạo đức của một giáo sĩ đi truyền đạo trên một hòn đảo và trong lúc muốn cảm hóa cô gái điếm Sadie Thompson.

ấy, tôi vẫn chưa biết cách nào tốt nhất để viết lại diễn tiến tâm lý của ông lúc ấy.

Chuyện đã xảy ra vào lúc tôi vừa tốt nghiệp đại học chưa được bao lâu. Lúc ấy, tôi còn đang sống trong nhà của bố nhưng đã làm ít việc vặt (arbeit) như phiên dịch cho những tạp chí chuyên về thời trang (mode) hay về cơ khí để có tiền chi trả phần nào sinh hoạt phí. Lúc đó, tôi chưa có đủ tự tin để trở thành cây viết tiểu thuyết. Thế rồi cũng vào lúc đó, để lẫn tránh những câu chuyện mai mối kết hôn mà bố mang về nhà, hết đám này đến đám khác, tôi đã trở thành thân thiết với một cô gái vốn không lãnh đạm với mình cho lắm. Cô này sau sẽ là người vợ của tôi. Tôi chỉ ra cho cô một điều kiện duy nhất:

– Anh là một tín đồ Ki-Tô giáo bất đắc dĩ thật đấy, nhưng nếu đã chịu cưới anh, xin em đừng tỏ ra hững hờ với cái tôn giáo ấy nhé!

Cũng vì tình yêu mẹ và sự gấn bó đối với bà mà tôi đã cố gắng tiếp tục gìn giữ đức tin. Cho dù đôi khi có trốn xem lễ Misa, hay bỏ bê không đi nhà thờ, tôi không bao giờ thiếu sự kính sợ và chưa từng có một ý định con con nào muốn vứt bỏ niềm tin của mẹ tôi và cũng là lẽ sống của đời ông. Thế rồi để dạy cho người con gái ấy hiểu thế nào là giáo lý của đạo Ki-Tô, tôi đã tìm đến nhờ ông.

Ông đã lộ ra một chút ngạc nhiên trên khuôn mặt. Không hiểu ông ngạc nhiên khi thấy một thằng con trai như tôi mà đã có thể hôn ước với ai, hoặc giả việc một đứa tính nết như tôi mà dám ra lệnh cho một ai đó: “Hãy tìm hiểu về Ki-

Tô giáo đi!” đã khiến ông chưng hửng? Cái nào cũng có thể cả. Dĩ nhiên ông đã nhận lời ngay, thế nhưng, lúc đó, tôi vừa để ý đến một chuyện hơi kỳ kỳ nơi ông. Chỉ có chút đỉnh thôi nhưng tôi thấy ông đang để râu mọc lẫn tăn (bushôhige). Thêm vào đó, giày ông không được bóng. Trường hợp những linh mục khác thì nếu có chênh mảng như vậy, chắc tôi cũng chẳng thèm để ý, nhưng ở nơi ông, đó là điều tôi không thể ngờ. Trong cuộc chiến tranh dài vừa qua, ngay lúc còn đang ở trong trại tập trung trên Karuizawa, ông đã biểu lộ ý chí cứng cỏi của mình trong cả cách ăn mặc. Đôi giày cũng được chải cho hết dấu bùn vấy. Đó là những điều mà trong thời kỳ ở ký túc xá, ông đã ra lệnh cho bọn lưu trú sinh chúng tôi phải chấp hành nghiêm chỉnh. Vì bản tính lơ là nên trước mệnh lệnh đó, tôi vừa ghét ông lại vừa có phần sợ hãi.

Ông đã tiễn tôi và người con gái ra đến ngoài cửa. Đến cửa, ông đã nói chuyện với một người đàn bà vốn là bí thư của ông. Khuôn mặt bà không hợp với trang phục Nhật (Hòa phục) cho lắm và khó có thể nói đó là một người đàn bà đẹp.

Trên xe điện đông người, một mình tôi chen chúc như cá hộp để đi xuống Hanshin, nơi tôi có thời kỳ sống với mẹ. Một phần vì kỷ niệm về bà càng ngày càng bắt rễ sâu trong lòng tôi, phần khác vì tôi muốn đến khẩn khứa trước mộ bà để báo tin rằng tôi đã trao đổi lời đính ước với một người con gái mà không cho cha tôi hay biết. Vùng phụ cận ngôi nhà cũ của tôi đã bị oanh tạc đến cháy rụi, cả nhà bà bác tôi sau khi sơ tán dưới Kaga-wa (tỉnh nằm trên đảo Shikoku, phía Đông Nam khu vực Hanshin) đã ở luôn

tỉnh đó, những người quen biết mà tôi định đến thăm thì hơn phân nửa đã biệt tăm biệt tích. Duy con đường mà ngày xưa hai mẹ con vẫn lầm lũi bước để đi lễ vào những ngày mùa đông u ám khi trời còn chưa rạng sáng cũng như ngôi giáo đường là không có gì đổi khác.

Cha xứ người Nhật thay thế ông người Pháp vẫn là ông cũ đã có từ thuở ấy, đang một mình đọc kinh Misa trong ngôi thánh đường hiện chưa có bóng con chiên nào đến. Bóng của ông được ánh nến in lập lờ trên vách. Tôi đứng đằng trước ngôi nhà cũ đã có thời sống chung với mẹ (sở hữu chủ của ngôi nhà này hiện giờ là người một nước thứ ba) (6) và hình dung ra khuôn mặt hốc hác của ông cái hôm tang lễ mẹ tôi vừa cử hành.

Tôi tự hỏi tại sao ông lại phờ phạc như người vừa đánh mất đi một vật gì vậy? Thế rồi tôi cũng thấy lại khu rừng thông mà xưa kia tôi đã đi loanh quanh để kiếm con chó nhỏ bị vút bỏ theo mệnh lệnh của ông. Bỗng nhiên tôi có cảm tưởng ánh mắt buồn rưng rưng của con chó nhỏ như đang vụt bằng ngang lòng tôi. Trên dấu tích mảnh đất thiêu cháy chỉ còn có những cơn gió lốc vàng vọt đang cuốn lên như một người đàn ông đã mệt đến kiệt lực mà hãy còn cố dùng xẻng đào xới mặt đất.

Thế rồi chẳng bao lâu sau đó, những điều tiếng khó lòng tin nổi về ông đã lọt vào tai tôi. Thật ra đó chỉ là những tiếng đồn ác ý và bần thiêu mà chắc ông không biết. Người ta tung tin là một giáo sĩ tại chức như ông mà đã có những mối liên hệ ngoài vòng lễ giáo với một phụ nữ

Nhật Bản. Khi vừa nghe những lời đàm tiếu đó, chẳng hiểu tại sao tôi đã nghĩ ngay đến người đàn bà Nhật Bản sắc mặt không được tốt mà tôi đã gặp trước cửa nhà ông. Tuy vậy tôi không thích thái độ nhìn người của các giáo dân Nhật Bản. Họ thường phán xét kẻ khác qua bề ngoài nghĩa là dựa trên hình thức, và lúc nào cũng cho mình là phải. “Nói nhăng nói cuội không hà!” Tôi đã cười to và gạt phắt những tin đồn như vậy. Bởi vì tôi từng biết ông là người ra sao và ý chí của ông mạnh mẽ nhường nào rồi. Dầu lòng mẹ tôi tôn kính ông có sai lầm vì thiên vị ông, nhưng nhất định ông không phải là người có thể làm những chuyện như họ kể.

Lời đồn đại lọt vào tai tôi vốn đến từ nhiều phía. Có người cho rằng họ đã thấy ông chở người đàn bà đó trên xe Jeep, đi

cùng với bà ta vào tiệm mua hàng. Họ đã xen lẫn vào trong những câu nói lén cái tính hiếu kỳ bệnh hoạn của họ. “Tại sao chở nhau trên xe Jeep lại không được nhỉ?” Tôi đã phang vào mặt một người đàn ông câu đó khi anh ta phóng ra tin đồn nói trên. Hoặc “Nếu đi công việc, tháp tùng một người đàn bà bằng xe thì đã sao?” Anh đàn ông kia đã ngạc nhiên, đưa mắt nhìn tôi và then đến đỏ mặt. “Thế nhưng bà kia là người từng ly hôn, đẩy anh!” Không biết anh chàng kia đã nhận được tin tức ở đâu về người đàn bà trong cuộc. “Chẳng những ly hôn, bà ta còn có con nữa đó!”

“Mẹ tôi cũng đã ly hôn. Mẹ tôi không những ly hôn mà còn có con nữa. Ông giáo sĩ kia đã đem đến lòng tin tôn giáo cho một người đàn bà để bà có thể hướng lên một thế giới cao cả và thánh thiện

hơn đấy chứ!” Tôi muốn nói như thế nhưng những câu chữ ấy chỉ nằm ngang cổ họng của tôi chứ không sao biến thành lời. Đồng thời, lúc đó tôi còn cảm thấy có một cái gì khó chịu – phải nói là hết sức khó chịu nữa – đã trào lên gần đến cổ họng của tôi. Cũng vào giai đoạn ấy, không biết mẹ tôi có chịu những lời bài báng và tin đồn giống như thế từ phía các tín hữu hay không? Chẳng hạn như lời đồn rằng đã có cái gì xảy ra giữa ông và mẹ? Tôi đã trừng mắt nhìn vào mặt người đàn ông kia và giận dữ hét lên:

– Ai muốn nói gì thì nói. Tôi vẫn tin tưởng ông ấy. Hoàn toàn tin tưởng!

Tin chứ sao không! Đúng vậy, tôi đã tin tưởng ông. Lý do là ông vẫn hay dặn dò tôi là phải tin nơi ông. Đến bây giờ tôi vẫn chưa quên câu ấy và giọng nói của ông hôm ấy. Chắc ông cũng nhớ chứ nhỉ?

Đó là hôm tôi không còn chịu đựng nổi những lời đồn đãi khó lòng ngăn chặn ấy, đã tìm đến văn phòng của ông để thông báo về nó. Tôi có cảm tưởng ông vẫn bận rộn như bao giờ. Thế rồi lần này, tuy không thấy ông đang để râu mọc tự do nhưng cách ông mặc xem ra có gì hơi chệnh mảng. Có điều tôi không thể diễn tả được sự chệnh mảng ấy nằm ở chỗ nào. Quần ông có đi bỏ giắt ủi đằng hoàng và thấy như đang được nhuộm lên bằng ánh sáng mặt trời từ ngoài sân chiếu qua khung cửa sổ. Dù vậy, có một cái gì lơ là mà ngày xưa tôi chưa hề cảm thấy nơi ông. Tôi đã đối mặt ông để thưa cho ông biết là có những lời ong tiếng ve đang được người ta đồn thổi. Ông đã nhướng mắt lên và nhìn chăm chú vào tôi. Tôi không biết ông có thực sự nghe điều tôi đang nói hay không. Sau khi tôi chấm dứt phần mình, ông đã giữ im lặng trong

một lúc. Và tôi lại nhìn xuống, ngắm chỗ ánh sáng mặt trời đang nhuộm lên chiếc quần ông mặc. Mãi một lúc sau, ông mới nói một cách mạnh mẽ:

– Cháu hãy tin tôi!

Ông đã nói một câu chắc nịch như thế. Ngày xưa, khi đứng trước mặt tôi, ông vẫn dặn dò:

– Hãy trông cậy Chúa Ki-Tô. Hãy tin vào Chúa và Hội Thánh của Ngài!

Bây giờ, ông vẫn nói với một giọng đầy xác tín và sự tự tin như thế với trọng lượng và sự kiên cố của một tảng đá. Ít nhất, tôi đã nghe như vậy. “Hãy tin đi!” Khi là một đứa trẻ vừa được rửa tội trong ngày lễ Phục Sinh, tôi và các bạn đồng lứa đã cất cao giọng để nói: “Con tin!” Mà nào có gì để phải không tin! Làm sao

tôi có thể nghi ngờ mẹ tôi, người suốt đời đã tuyệt đối tin cậy nơi ông?

Lòng tôi trở nên bình an sau khi chịu các phép bí tích trong giờ xưng tội. Đã lâu lắm rồi, tình cảm an tâm đến với mình lúc đó mới tỏa lại trong lòng, bất chợt làm tôi cười như vừa trút gánh. “Xin tạm biệt!” (Sayônara!) Lúc tôi nói thế rồi rời chiếc ghế đứng dậy, ông đã khẽ gật đầu.

Việc kết hôn với người con gái không được thông suốt lắm nhưng cuối cùng tôi cũng đã thuyết phục được để bố tôi đồng ý. Bố chỉ đưa ra mỗi một điều kiện là không được tổ chức hôn lễ ở một “giáo đường Amen”. Điều đó có lẽ đã chứng minh rằng ông vẫn muốn triệt để cắt đứt mối liên hệ tâm lý giữa mẹ con tôi. Tôi đành phải để lọt vào tai yêu sách kỳ cục này và bàn lại với người con gái để tổ chức hai đám cưới khác nhau. Một đám

làm ở khách sạn với sự hiện diện của bố tôi và những người quen biết, một đám thứ hai ở giáo hội, chỉ có tôi và người con gái. Lý do là người con gái đồng ý lập gia đình với tôi đã quyết tâm làm lễ rửa tội. Dĩ nhiên, người đứng ra làm lễ cho chúng tôi ở nhà thờ không thể nào ai khác ngoài ông.

Một ngày trước hôm có buổi lễ dành cho người lương tổ chức ở khách sạn, để cho bố tôi (và người vợ sau của bố) khỏi phải nghi ngờ, tôi đã mặc một bộ cô-m-lê bình thường đi cùng với người con gái trong bộ áo trên dưới đồng màu (suit) lặng lẽ đến Thần học viện nơi ông làm việc. Hôm đó, ngoài hai chúng tôi, không có ai khác đến tham dự. Trong buổi lễ, tôi có cảm tưởng là từ một nơi xa xôi, người mẹ đã khuất núi đã có thể gửi lời chúc phúc cho cuộc hôn nhân của

chúng tôi. “Dù sao, mẹ cũng thấy dâu của mẹ là một cô gái đi đạo đấy chứ!” Tôi đã có thể hướng về mẹ và nói lên một câu với tình cảm tự hào như vậy. Dù vậy, phải đợi đến khi chúng tôi đến trước cửa Thần học viện, người con gái mới vội vã rút cái mùi soa trắng tinh khỏi mua sắm (mà tôi không hề biết) để đặt vào túi trên áo vét của tôi và ghim lên bộ đồ mình một đóa hoa lan (cattleya). Tôi bèn bảo nàng:

– Em à! Nhờ ai thông báo với Ngài là tụi mình đã đến đi, em!

Tôi đứng đợi ở trước điện thờ. Hôm đó trời quang mây tạnh. Trước mắt, mấy dãy nhà bằng nhôm giống như những đòn chả cá vẫn nằm kề bên nhau. Màu nhôm loang loáng phải chiếu ánh nắng. Tôi lại nghĩ về mẹ, tự nhủ không biết khi thấy nàng dâu mới, bà sẽ nghĩ như thế

nào nhĩ, rồi cười lấy một mình. Người con gái sắp sửa trở thành vợ của tôi từ phía kia đang từ từ bước tới. Trông nàng có vẻ hơi run. “Ôi chao! Chắc cô mình đang bị khớp đây!” Tôi cười đau khổ rồi cầm điều thuốc đang ngậm trên môi búng đi.

– Sao vậy? Họ đã vào báo giúp mình chưa, em?

Tôi chỉ thấy mặt nàng giữ nguyên vẻ căng thẳng, nàng im lặng không trả lời.

– Bộ em có gì khó chịu trong người?

– Không ạ.

– Vậy thì mặt vui lên chút đi!

Dù tôi nói thế, mặt nàng vẫn nhăn nhó và không thêm một lời nào. Thế rồi đưa mũi giày di di trên mặt đất, đột nhiên nàng cất tiếng:

– Thôi, mình về đi anh!

– Tại sao?

– Sao hở?

– Tới giờ rồi, đừng ăn nói quàng xiên (tobbyôshi) như thế!

– Em...

Bỗng nhiên mới nói đến đó, mặt nàng đã dúm dỏ, miệng thì thì thảo:

– Em thấy rồi, anh ơi!

Nàng bảo với tôi là mình “thấy rồi”. Thì ra lúc nàng đẩy cửa vào văn phòng để nhờ người báo tin là chúng tôi đã đến thì vừa vặn lúc đó, ông mới tách ra khỏi cái thân thể của người đàn bà sắc diện hơi xấu mà tôi đã gặp trong lần trước ở chỗ ra vào. Ngay bên dưới khuôn mặt của ông là mặt của bà ta. Người con gái cho

biết mình đã không nói một câu nào, để
ngõ cánh cửa như thế, bước ra khỏi chỗ
đó rồi quay về.

– Em nói cái gì?

Cơn giận bùng lên trong tôi.

– Làm gì có chuyện đó!

Tôi đã đưa bàn tay tát vào má cô gái.

– Đến em mà cũng ngờ vực Ngài
như thiên hạ sao?

Bị đánh, người con gái chỉ đưa tay áp
lên má. Câu nói: “Cháu hãy tin tôi!” của
ông như đang chậm chạp chìm về trong trí
tôi.

Đến lúc làm lễ cưới, người con gái
khóc, mắt nàng đỏ hoe. Chắc ông nghĩ
đó là những giọt nước mắt mừng vui của
một cô dâu mới? Chuyện này không thể

có. Ông không thể nào làm một chuyện như thế được. Như là những bong bóng nước nhơ bắn trời lên từ một cái ao bùn, điều nghi ngờ đang tích tụ trong lồng ngực của tôi. Khi chăm chú nhìn ông đứng bên bàn tế lễ để cử hành Misa cho cuộc hôn nhân của chúng tôi, tôi đã phải dùng đủ cách để dồn nén lòng mình. Ông lại nói:

– Hãy tin vào Chúa Ki-Tô!

Đáng lẽ sau khi “sự cố” đó xảy ra, ông không có quyền xưng lên một câu như thế trong lễ Misa của Chúa nữa. Nhưng vào thời điểm đó, tôi hãy còn tưởng mình vẫn tin tưởng nơi ông.

Kết hôn xong rồi mà ký ức của tôi vẫn còn hình ảnh bộ mặt nhăn nhó của nhà tôi buổi sáng hôm ấy đôi khi vẫn còn làm tôi hét lên vì giận dữ;

– Em dám nghi ngờ người mà mẹ anh tin tưởng hơn hết à?

Những lúc đó, vợ tôi thường lắc đầu. Tuy vậy, nếu cảnh nàng chứng kiến là sự thực thì có thể nói là buổi lễ kết hôn thuần khiết duy nhất trong cuộc đời của vợ tôi đã bị hoen ố vì được cử hành bởi một người chủ tế có bàn tay đã nhúng chàm. Thế thì quá tàn nhẫn cho nàng. Để đầu óc khỏi bị mối ngờ ấy bám theo, tôi đã tránh không gặp ông nữa. Thế rồi chỉ ba tháng sau, một cái tin có tính quyết định là ông vừa rời khỏi Thần học viện, đã đến tai tôi.

✱

Tại sao chuyện như vậy đã có thể xảy ra? Nó làm tôi bàng hoàng. Dù vậy, tôi muốn mình phải đến gặp ông để nghe tự sự. Dù người ta nói gì về ông, trong lòng tôi vẫn chôn dấu một lượt hai thứ tình cảm: sự mong mỏi còn được tin tưởng vào ông. pha lẫn với tình cảm của một lòng tin bị phản bội. Tuy vậy, người của Thần học viện đã trả lời tôi rằng họ không rõ hành tung ông. Tôi đã nổi cáu trước câu trả lời vô trách nhiệm này, nhưng không biết làm cách nào khác. Sau khi dò la khắp nơi, cuối cùng tôi hay tin ông đang nung nấu trong gia đình một thương gia Tây Ban Nha, người làm nghề mậu dịch và cùng xứ sở với ông.

Tôi đã gửi thư cho ông nhưng không có hồi âm. Thay vào đó là một tin nhắn từ một người Tây Ban Nha, tự xưng là bạn của ông, xin tôi bây giờ hãy để ông yên.

Tôi hiểu lắm chứ! Trong tình trạng hiện tại, ông không muốn gặp ai hết, ngay cả tôi, hay nói đúng hơn, vì tôi là tôi, ông lại càng không muốn gặp. Tôi tưởng tượng ra hoàn cảnh của ông lúc này. Chắc ông đang tủi nhục và cô đơn biết mấy! Kết cuộc, tôi đã buông xuôi việc rượt đuổi theo ông.

Những tin tức gây sốc tôi nhận được không vì thế mà chấm dứt. Quái thật, sao lại có thể như thế nhỉ? Những chuyện tào lao như thế này đã bắt đầu từ lúc nào mới được chứ? Tôi chịu thua luôn vì chẳng hiểu gì cả. Duy có một điều là cái hôm đầu tiên khi tôi đưa người vợ tương lai đến thăm ông ở văn phòng và nhận ra rằng dưới cằm ông đã thấy lấm tẩm như bụi bặm những chân râu màu hạt dẻ để nguyên không cạo. Hình ảnh ấy như đang ngoi lên từ dưới đáy ký ức để sống

lại trong tôi. Té ra từ thời đó, ông đã bắt đầu hủ hóa rồi ư? Có thể là những yếu tố mắt thường không thấy đã làm cho cuộc sống của ông, tín ngưỡng của ông, bị đục ruỗng từng bước một. Cảm tưởng của tôi là như vậy. Dĩ nhiên, điều đó chỉ đến từ trí tưởng tượng nghèo nàn của tôi thôi.

Thế nhưng vì có gì ông lại đi nói dối với ngay cả tôi, một người lúc nào cũng muốn đặt hết tin tưởng vào ông? Trước lời can ngăn của tôi, ông chẳng đã trả lời đầy tự tin: “Cháu hãy tin tôi!” đó hay sao? Những làn sóng bức bối và trách móc thi nhau dâng cao trong lồng ngực tôi, hết đợt này đến đợt khác. Đôi khi sự giận dữ đó đã dẫn dắt đến một mối ngờ còn kinh khủng hơn nữa trong trí tưởng tượng của tôi, ví dụ ý tưởng cho rằng trong quãng thời gian dài kia, có khi ông

đã nhiều lần đánh lừa cả mẹ lẫn tôi? Mỗi lần nghĩ như thế, tôi đã phải lắc đầu để xua đuổi những ý tưởng đó đi.

Vợ tôi không còn mở miệng nói gì về ông nữa.

– Thôi, em không đi nhà thờ nữa đâu. Hết tin ai nổi rồi!

Khi nghe nàng lẩm bẩm những câu như vậy, tôi không biết phải chống chế làm sao.

– Không lẽ vì một ông truyền đạo mà em đâm ra phê phán cả giáo hội Ki-Tô?

Tuy trả lời như vậy nhưng chính tôi lại là người đầu tiên cảm nhận rằng câu nói đó cũng không đủ để tôi thuyết phục được tôi. Hơn nữa, không chỉ mỗi mình tôi. Biết dùng lời nào để giải thích cho

các tu sĩ hay tín hữu khác về những “sự cố” đường đột này nếu không là hạ thấp giọng để thì thầm với nhau và cảm thấy mọi người đều hoang mang như nhau? Kết cuộc là họ sẽ không bao giờ đặt câu hỏi mà chỉ chôn vùi nó dưới đồng tro của sự im lặng, nói cách khác, hễ có một món đồ nào bốc mùi hôi thì phải lấy nắp đập lại.

Tuy vậy, tôi thật khổ tâm. Việc xử trí theo phương pháp thường tình nghĩa là chờ cho thời gian và sự lãng quên đẩy lùi những lời đồn đại ấy vào trong quá khứ và làm chúng tiêu tán đi, vẫn không giải quyết được gì. Đối với tôi, nếu tôi quên ông có nghĩa là tôi quên cả mẹ, nếu tôi phủ nhận ông, tôi cũng phủ nhận luôn những gì trọng đại nhất trong đời tôi cho đến ngày hôm nay. Tôi không giống như đa số những người cải đạo nghĩa là

chọn tín ngưỡng của mình bằng ý chí bản thân. Trong một thời gian dài, tín ngưỡng của tôi - ở một ý nghĩa nào đó - đã gắn bó bởi tình yêu thương giữa tôi và mẹ nhưng cũng nối kết với lòng kính sợ trước ông. Thế nhưng phần thứ hai này hình như đang bị phản bội ngay từ gốc rễ. Đã đến nước này, làm sao tôi lại có thể bỏ rơi ông như người ta cũng như tự đánh lừa mình.

Vì vậy tôi đã nhờ vả nhiều giáo sĩ:

– Xin các ngài đến gặp ông đó giúp tôi!

Theo tôi thì ông đã (thật tình tôi chưa rõ lắm) bỏ rơi tín ngưỡng ông có cho đến ngày nay để tìm đến với một tín ngưỡng nào đó to lớn hơn hay để làm một hành động thương yêu nào đó vĩ đại hơn. Chẳng hạn tôi muốn nghĩ rằng ông

đã chọn bỏ rơi Thần học viện để chạy về phía một người đàn bà hay một việc gì giống thế. Tôi muốn ông chứng minh cho tôi thấy là ngay bây giờ, không, đúng ra là từ lúc này, ông sẽ có một tín ngưỡng còn mạnh hơn cả cái ông từng mang theo cho đến nay. Dù vậy, sự không tưởng hơi trẻ con của tôi chưa được xây lên thì đã sụp đổ mất rồi. Hơn phân nửa số linh mục được tôi nhờ đã từ chối và lúc đầu, điều đó đã làm tôi căm phẫn. Các thầy ấy xưa kia lúc nào cũng nói rằng Chúa Ki-Tô nhất quyết không phải là người tìm đến chỗ những kẻ đang hạnh phúc và sung túc nhưng sẽ đi thăm viếng những kẻ cô đơn và bị khuất nhục. Thế mà trong tình trạng hiện tại của ông, tôi không thấy có có một bàn tay nào chìa ra cho ông nắm lấy.

Tuy nhiên, tôi thấy sự suy nghĩ của mình hãy còn nông cạn. Bởi vì đã có một giáo sĩ, sau khi tìm gặp được ông, đã quay lại với một câu trả lời cụt lùn:

– Ông ấy không muốn gặp!

Giáo sĩ ấy nói tiếp:

– Lúc này nên để ông ấy một mình là tốt nhất! Chứ thầy không hiểu tâm sự của ông ấy sao?

Nghe câu nói ấy, tôi mới vỡ lẽ ra mình là một người vừa thiếu tế nhị lại vừa ích kỷ.

Như thế, sự qua lại hết sức lâu năm giữa ông với tôi đã đến hồi chung cuộc. Nếu tính lại thì từ cái hôm ông bước vào phòng bệnh nhân ở bệnh viện Seiai (Thánh Ái) để gặp tôi lần đầu tiên cho đến nay, hơn 30 năm trời đã trôi qua.

Rồi đến những câu chuyện nghe mà phát buồn ngủ của ông, kỷ niệm về con chó bị ông hạ lệnh đem vứt bỏ, cảnh khốn khổ vì phải đuổi theo ông khi tập chạy bộ trên đường núi, những sự cố xảy ra trong ký túc xá, cái chết của mẹ, cái cảnh ông chìa bàn tay súng dộp vì phỏng sương để trao cho tôi thổi bơ ở Karuizawa... Từng hình ảnh một đến từ những mẩu chuyện đó đã trở thành chất liệu đóng căn dưới đáy dòng sông của cuộc đời tôi. Đó là dấu tích của một con người để lại trên cuộc đời của một con người khác. Vô tình để lại như thế chứ ông nào có để ý là cuộc đời người nhận sẽ xoay chiều về hướng nào đâu. Nào khác gì ngọn gió trên bờ cát đã làm biến hình, vắn vẹo những thân tùng, đổi hướng những cành cây. Ông và mẹ, hơn tất cả ai khác, đã bẻ tẹo cuộc đời tôi để nó phát triển theo cái hướng

như thế này. Thế mà giờ đây, ông lại bỏ đi đâu mất.

Tôi nghe phong thanh là sau đó ông đã đi dạy đàn thoại Anh văn ở một ngôi trường và mở những lớp kèm riêng tiếng Tây Ban Nha để độ nhật. Không biết ai đó lại cho tôi hay rằng ông và bà người Nhật đó có với nhau một mụn con. Tôi đã tiếp nhận những tin tức như thế với một tâm thế bình thản hơn so với những tin tức từng gây choáng trước đây. Thế rồi những “sự cố” đã làm dao động và hoang mang lòng các tín hữu một thời cũng phôi pha theo tháng ngày rồi rơi vào quên lãng.

Tôi và nhà tôi thì không hề đem câu chuyện xảy ra hôm lễ kết hôn thứ hai ra bàn thêm lần nữa. Không phải vì nó không đáng đem ra mổ xẻ nhưng vì

cả hai chúng tôi đều muốn tránh đụng đến. Dù vậy, nhiều hôm sau khi ăn cơm chiều xong, rời phòng ăn để vào thư trai của mình, đóng chặt cửa lại và ngồi trước bàn viết, cũng như giữa đêm khuya, ngẩng mặt lên khỏi trang sách, tôi đã nghe giọng nói của ông bất đồ vang lên: “Cậu hãy tin tôi!” Thế rồi, để mình còn có thể tin ông, tôi đã làm một hành động sao cho trong tôi, tôi còn giữ được niềm tin đó. Một trong những việc làm xuất phát từ tình cảm ấy là tìm cách đưa ông (dĩ nhiên, tôi đã phải ngụy trang ông đôi chút) như nhân vật có mặt trong 3 cuốn tiểu thuyết của mình. Tôi đã tìm hiểu và trình bày về những trạng thái tâm lý khác nhau mà ông có thể có. Biết đâu rằng cũng như khi muốn dìu dắt người mẹ của tôi tiến lên một thế giới cao thượng hơn trong cuộc sống, có thể là ông chỉ muốn giúp đỡ người đàn bà

có sắc diện hơi xấu đó thôi nhưng ông đã sa chân. Lúc đầu chẳng qua là lòng trắc ẩn của một vị linh mục nhưng sau đó nó đã pha lẫn vào đó tình cảm đàn ông, vào lúc nào thì ông không thể nhận ra. Ông đã quá tự tin. Ông không biết rằng một cành cây cứng thì mới dễ gãy. Có lẽ sự quá tin nơi mình, ngược lại, bất chợt đã làm ông sa ngã. Thế rồi một khi đã sa chân như thế, mẫu người đàn ông như ông thường có khuynh hướng trượt xuống hố với một tốc độ nhanh hơn, Tôi đã tưởng tượng trong đầu không biết bao nhiêu lần cái mô hình ấy nhưng đều thất bại (vì không đủ bằng cớ). Tóm lại, tôi không biết chân tướng của sự sa ngã nơi ông. Hơn nữa, chấp nhận giả thuyết ấy thì cũng chẳng sao nhưng liệu việc đó có đem lại sự bình yên cho lòng tôi không?

Rồi một hôm, sau bao nhiêu năm xa cách, cuối cùng tôi đã thấy ông. Đó là một buổi chiều thứ bảy trên sân thượng của một cửa hàng bách hóa. Hồi đó, tôi còn ở vùng Komaba nên đôi khi thường dắt đứa con trai leo lên sân thượng của tòa nhà ấy, nơi đó có một khu vườn chơi. Việc đã xảy ra vào trong một ngày như thế. Con trai tôi mới vào năm thứ nhất tiểu học, đang mê mãi chơi, lúc thì leo lên cái tách (cup) lớn để được quay vù vù, lúc thì bỏ tiền xu vào con rô-bốt (jinzô ningen) mà nghe nó nói tiếng người. Cũng có những cỗ tàu bay đồ chơi, gắn thêm nhiều bánh xe, để mỗi khi âm nhạc nổi lên thì lượn qua lượn lại trên không. Những người cha người mẹ giống như tôi, kẻ thì ngồi trên ghế này, kẻ thì nghỉ trên băng kia, đang trông chừng con cái chơi đùa. Lẫn vào giữa đám họ, tôi cũng mua một chai Coca, vừa mở tờ báo ra

đọc vừa uống từng ngụm nhỏ. Rồi lúc tình cờ ngẩng mặt lên, tôi đã thấy hiện ra cái dáng ông từ đằng lưng.

Để cho vành phía ngoài sân thượng khỏi gây ra nguy hiểm, một hàng rào bằng lưới sắt rất cao đã được bọc quanh nó. Trước mặt vòng rào, người ta đã đặt những cái viễn vọng kính, chỉ cần bỏ đồng xu 10 Yen vào là có thể, trong một khoảng thời gian cho phép, nhìn thấy quang cảnh thành phố đến tận mãi xa. Chỗ đó đang có một đám trẻ con được cha mẹ dắt tới và họ đang tụ tập bên nhau. Ông đứng xen giữa hàng rào sắt và viễn vọng kính, một mình đắm đắm nhìn về phía có ánh chiều đang rơi trên thành phố. Trên bầu trời đó có những tầng mây màu chì đang trải rộng ra không biết đến đâu, chỉ có một phần ở hướng Tây là trắng như sữa với vài tia

nắng nhạt và buồn bã đang cố lọt qua. Đó là một bầu trời không có gì đặc biệt của thành phố Tôkyô nhưng từ chỗ này mà nhìn cái dáng của ông, tôi thấy so với những tòa bin-đinh và những khu chung cư ngoài xa, ông có hơi thấp bé một chút. Không biết có phải vì sương khói và ô nhiễm (smog), ánh sáng hắt ra từ cửa sổ của những tòa nhà cao tầng ấy đã nhòe đi một cách dị thường, Phía các căn hộ (aparto) trong chung cư, tôi thấy được cả quần áo và chân đệm người ta đem phơi. Ông không còn mặc bộ áo chùng đen của một linh mục Ki-Tô giáo và cũng không đeo cổ áo kiểu giáo hội La Mã (Roman collar).

Tôi nhớ rằng hôm đó ông chỉ mặc một áo vét màu than nhưng đã sờn. Không hiểu có phải vì cái vét ấy không mà tôi có cảm tưởng là tấm thân trắng

kiện, đường đường của ngày xưa, nay đã thành ra gầy yếu và dúm dỏ. Dùng những lời lẽ như vậy có thể thành thất lễ với ông nhưng sao mà tôi trông ông chẳng khác gì một bác nhà quê ở phương Tây. Một điều không thể ngờ là trước đó, tôi chưa hề ngạc nhiên về ông đến vậy. Thực ra đó chỉ là chuyện tự nhiên. Có thể nói là đương nhiên nữa. Nhưng tôi lại không hiểu vì sao. Trong con người của ông, sự xác tín và tự tin một thời nào đã biến mất và đám đông cha mẹ con cái Nhật Bản bình thường đang tìm cách giết thời giờ trên sân thượng tiệm bách hóa vào buổi chiều hôm ấy cũng chẳng ai buồn quay lại nhìn ông.

Lúc đó tôi đang dợm đứng lên nhưng vừa vặn có một người đàn bà với khuôn mặt tôi đã có lần gặp, đang nắm tay một đứa trẻ mặc bộ đồ bằng len trắng đi đến

gần ông. Hai ông bà đều quay lưng lại phía tôi như thể đang muốn che chở cho đứa bé, rồi mất hút sau cánh cửa ra đối diện.

Tôi nói là đã gặp ông nhưng thật ra, câu chuyện chỉ có bao nhiêu đó. Dĩ nhiên, tôi sẽ không kể lại chuyện này cho vợ tôi hay. Cuộc tái ngộ với con người mình đã muốn xóa sổ ấy, không hiểu vì sao, mấy năm nay vào những lúc đêm về, lại bất chợt bùng bùng trong ký ức. Rồi trong khi nhời đi nhời lại cái dáng đằng lưng của ông không biết bao nhiêu lần, tôi thấy nó là một cái bóng đổ (kagebôshi) đã in trùng lên vài cái bóng khác trên dòng sông của đời tôi. Chẳng hạn cái bóng của ông lão người Bạch Nga chuyên môn bán dạo những cái bánh mì Nga (Roshi-apan) trên đường phố Đại Liên. Tiếp đó là cái bóng của ông già ngoại quốc vẫn

kéo lê bàn chân mệt mỏi, tránh cặp mắt mọi người để đi vào ngôi nhà của cha xứ cạnh giáo đường (cũng giống như ông, ông già này đã kết hôn với một phụ nữ Nhật Bản, bị mất chức và đuổi đi), ông già mà trong một buổi hoàng hôn mùa hạ, đã bảo tôi đừng sợ khi tôi định chạy trốn lúc tình cờ gặp mặt ông. Đôi mắt u buồn của ông ta đã in trùng lên đôi mắt của con chó tạp chủng mà ông đã hành động một cách vô lý khi bắt mọi người phải đem vứt nó. Động vật và chim chóc sao lại có thể có những đôi mắt u buồn đến vậy?

Tôi đã đem tất cả những hình ảnh này để sắp đặt thành một thứ bậc thâm kín trong lòng và kết hợp chúng lại bằng một sợi dây máu thịt và tôi nghĩ rằng chúng đang cùng nhau ngỏ một điều gì đó với tôi. Cùng lúc, khi sắp đặt chúng

thành một thứ bậc và cho chúng một chỗ đứng trong cuộc đời mình, tôi thấy rằng ông không còn mang hình ảnh của một nhà truyền đạo có ý chí vững chắc và tràn trề tự tin mà là một người đàn ông đang đứng xen kẻ ở giữa ánh đèn chớp tắt của những tòa bin-đinh và những căn hộ chung cư có tả lót đem phơi.

Ông không còn đứng ở vị thế trên cao nhìn xuống để xét đoán người khác mà chỉ là một con người có đôi mắt u buồn như cặp mắt của con chó ông đã ra lệnh vứt đi. Vì lẽ đó, dù ông có phản bội tôi chẳng nữa, tôi vẫn hoàn toàn không oán hận ông. Ngược lại, tôi còn nghĩ rằng vì có như thế, nên những điều ngày xưa ông tin tưởng mới có lý do để tồn tại. Có khi ông đã thừa biết điều đó rồi. Bởi vì trong quán ăn ở Shibuya vào hôm có trận mưa sương (kirisame), khi người

hầu bàn đem đến đĩa thức ăn ông gọi, ông đã làm dấu thập giá thật nhanh để không ai kịp nhận ra. Có thể đó là điều duy nhất mà đến nay, tôi mới được biết được về ông.

Tháng 1 năm Shôwa 43 (1968)

Dịch ngày 27/01/2023

Tư liệu tham khảo:

– Endo Shusaku, Kagebôshi (Bóng đổ lên đời), Tuyển tập Agawa Hiroyuki & Endo Shusaku, quyển 79 trong Toàn tập văn học Nhật Bản Hiện Đại, do Chikuma Shobô, Tôkyô, xuất bản tháng 12 năm 1981, trang 396-416. Nguyên tác Nhật ngữ.

– Endo Shusaku, Kagebôshi (Les Ombres), Minh Nguyen-Mordvinoff dịch sang tiếng Pháp, trong *Le dernier souper et autres nouvelles*, Nxb Denoel, Paris-Barcelone, 2004, trang 11-54. Bản ngoại văn tham chiếu.

